



HỘI ĐỒNG TƯ VẤN CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
BAN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

PSD
Committee



Vietnam
Economic
Forum

VN



EXPRESS
TIN NHANH VIETNAM

Thực hiện

Phối hợp

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT

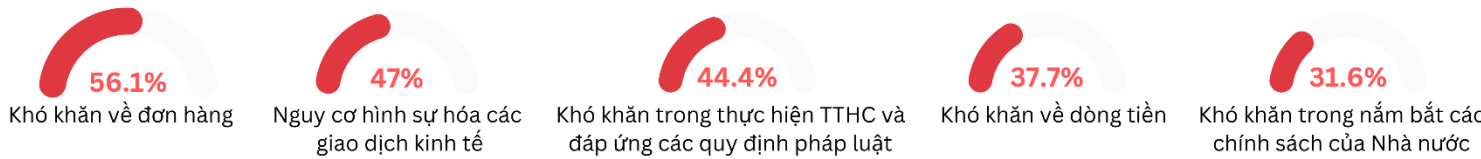
THỰC TRẠNG CUNG CẤP/THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHO DOANH NGHIỆP NĂM 2024



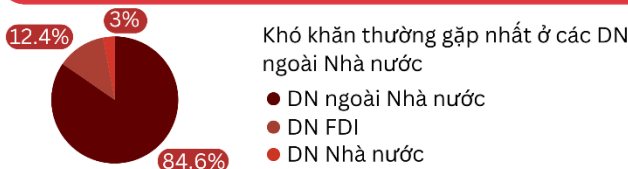
T12/2024

MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT THỰC TRẠNG CUNG CẤP/THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHO DOANH NGHIỆP NĂM 2024

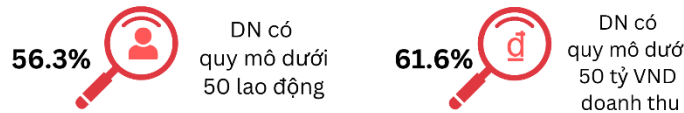
Khó khăn lớn nhất mà DN đang đối diện



Khó khăn trong thực hiện TTHC theo loại hình DN



Đối tượng DN gặp khó khăn nhất



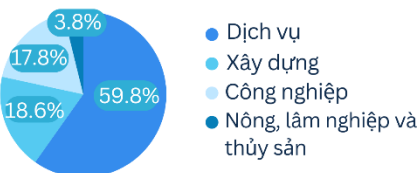
Tổng hợp phản ánh khó khăn từ DN



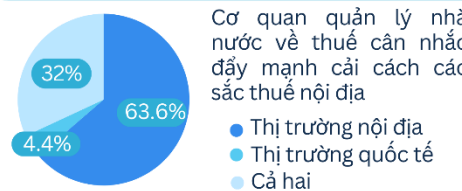
Đề xuất ưu tiên cải cách của các nhóm thủ tục thời gian tới



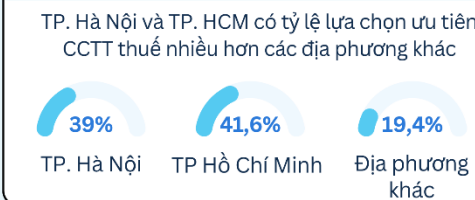
DN đề xuất ưu tiên CCTT thuế theo ngành



DN đề xuất ưu tiên CCTT thuế theo thị trường



DN đề xuất ưu tiên CCTT thuế theo địa phương



Kiến nghị



MỤC LỤC

A. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỢT KHẢO SÁT	1
B. KẾT QUẢ KHẢO SÁT DIỆN RỘNG	2
I. HIỆN TRẠNG CUNG CẤP/ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO GÓC NHÌN DOANH NGHIỆP	2
1. Đánh giá chung đối với việc thực hiện thủ tục hành chính trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.....	2
2. Đánh giá của doanh nghiệp về mức độ cải thiện và mong muốn ưu tiên cải cách đối với các nhóm thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.....	4
2.1. Đánh giá của doanh nghiệp về mức độ cải thiện trong thực hiện các nhóm thủ tục hành chính	4
2.2. Đề xuất mức độ ưu tiên cải cách đối với các nhóm TTHC.....	5
3. Đánh giá đối với nhóm TTHC liên quan thuế năm 2024.....	6
II. TỔNG HỢP PHẢN ÁNH VỀ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG THỰC HIỆN TTHC.....	10
1. Trong thực hiện nhóm TTHC liên quan đến khởi sự kinh doanh.....	10
2. Trong thực hiện nhóm TTHC liên quan đến lao động và bảo hiểm xã hội	15
3. Trong thực hiện nhóm TTHC liên quan đến hoạt động xuất, nhập khẩu	19
4. Trong thực hiện nhóm TTHC liên quan đến lĩnh vực đất đai, môi trường, xây dựng	23
5. Trong thực hiện nhóm TTHC liên quan đến thuế	29
6. Trong thực hiện nhóm TTHC liên quan đến giải thể, tạm dừng hoạt động.....	33
C. NHẬN ĐỊNH VÀ KIẾN NGHỊ	36
1. Nhận định một số vấn đề chính qua khảo sát.....	36
2. Kiến nghị.....	37
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	40
PHỤ LỤC	41

DANH MỤC BIỂU ĐỒ, HỘP

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1. Khó khăn/thách thức lớn nhất mà doanh nghiệp đang đối diện.....	2
Biểu đồ 2. Khó khăn trong thực hiện TTHC và đáp ứng các quy định pháp luật phân theo loại hình DN	3
Biểu đồ 3. Khó khăn trong thực hiện TTHC và đáp ứng các quy định pháp luật phân theo quy mô doanh thu.....	3
Biểu đồ 4. Khó khăn trong thực hiện TTHC và đáp ứng các quy định pháp luật phân theo thị trường kinh doanh.....	3
Biểu đồ 5. Mức độ cải thiện trong việc thực hiện TTHC liên quan đến DN.....	4
Biểu đồ 6. Đề xuất ưu tiên cải cách của các nhóm thủ tục thời gian tới theo ý kiến của DN	5
Biểu đồ 7. Đánh giá của DN các ngành về tính ưu tiên cải cách nhóm thủ tục liên quan đến thuế.....	6
Biểu đồ 8. Đánh giá của DN các loại hình về tính ưu tiên cải cách nhóm thủ tục liên quan đến thuế....	7
Biểu đồ 9. Đánh giá về tính ưu tiên cải cách nhóm thủ tục liên quan đến thuế theo địa phương	7
Biểu đồ 10. Đánh giá của DN về tính ưu tiên cải cách nhóm thủ tục liên quan đến thuế theo quy mô doanh thu.....	8
Biểu đồ 11. Đánh giá của DN về tính ưu tiên cải cách nhóm thủ tục liên quan đến thuế theo quy mô lao động.....	8
Biểu đồ 12. Đánh giá của DN về tính ưu tiên cải cách nhóm thủ tục liên quan đến thuế theo dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2024.....	9
Biểu đồ 13. Đánh giá của DN về tính ưu tiên cải cách nhóm thủ tục liên quan đến thuế theo phạm vi hoạt động.....	9
Biểu đồ 14. Cơ cấu DN tham gia khảo sát theo địa phương	41
Biểu đồ 15. Cơ cấu DN tham gia khảo sát theo loại hình DN.....	41
Biểu đồ 16. Cơ cấu DN tham gia khảo sát theo ngành sản xuất, kinh doanh.....	42
Biểu đồ 17. Cơ cấu DN tham gia khảo sát theo quy mô doanh thu năm 2023.....	42
Biểu đồ 18. Cơ cấu DN tham gia khảo sát theo quy mô lao động ở thời điểm khảo sát.....	43

DANH MỤC HỘP

Hộp 1. Sự thiếu nhất quán trong quy trình thủ tục khởi sự kinh doanh giữa các địa phương.....	11
Hộp 2. Gánh nặng từ các yêu cầu về giấy phép con và điều kiện kinh doanh	12
Hộp 3. Thiếu thông tin và hướng dẫn cụ thể từ cơ quan quản lý	13
Hộp 4. Thiếu sự phối hợp liên thông giữa các cơ quan quản lý.....	14
Hộp 5. Động lực và niềm tin gia nhập thị trường sụt giảm của các DN khởi sự kinh doanh.....	15
Hộp 6. Một số rào cản trong thực hiện của chính sách bảo hiểm xã hội, lao động, công đoàn	16
Hộp 7. Tần suất thanh tra và kiểm tra quá thường xuyên	17
Hộp 8. Khó khăn trong tuyển dụng và giữ chân lao động do quy định BHXH	18
Hộp 9. Hạn chế của hệ thống CNTT trong quản lý BHXH	19
Hộp 10. Sự bất cập và thiếu đồng nhất trong quy định về hải quan.....	20
Hộp 11. Các chi phí phát sinh trong hoạt động xuất nhập khẩu.....	21
Hộp 12. Rào cản kỹ thuật và yêu cầu kiểm định đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.....	23
Hộp 13. Hệ thống công nghệ thông tin trong khai báo hải quan.....	23
Hộp 14. Thiếu đồng bộ và chồng chéo trong quy trình thủ tục hành chính	24
Hộp 15. Sự trì trệ và sợ trách nhiệm trong việc phê duyệt dự án.....	26
Hộp 16. Chi phí cao và khó khăn trong tuân thủ quy định về môi trường và PCCC.....	27
Hộp 17. Khó khăn trong tiếp cận đất đai.....	28
Hộp 18. Sự thiếu đồng nhất trong áp dụng quy định thuế.....	29
Hộp 19. Thiếu sự hỗ trợ và hướng dẫn từ cơ quan thuế.....	30

Hộp 20. Những bất cập trong chính sách thuế GTGT và rủi ro từ việc hóa đơn bị loại bỏ	32
Hộp 21. Quy trình thủ tục phức tạp gây cản trở DN giải thể	33
Hộp 22. Thiếu “sự đồng cảm” từ cơ quan quản lý.....	34

A. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỢT KHẢO SÁT

Cuộc khảo sát nhanh về thực trạng cung cấp/ thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) được Ban Nghiên cứu Phát triển Kinh tế tư nhân phối hợp với các Hiệp hội thành viên Hội đồng tư vấn cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ và Báo Điện tử VnExpress thực hiện với mục đích đánh giá hiệu quả chủ trương, hoạt động cải cách TTHC của Chính phủ trong thời gian qua, đồng thời nhận diện các khó khăn, vướng mắc còn tồn tại đối với doanh nghiệp (DN) trong thực hiện nhóm các TTHC để tiếp tục có các tham mưu cần thiết với cấp thẩm quyền.

Phương pháp nghiên cứu:

- **Phương pháp nghiên cứu tài liệu thứ cấp:** Nhóm nghiên cứu tổng hợp các tư liệu, tài liệu từ các nguồn khác nhau, bao gồm các tài liệu từ các kênh quốc tế và trong nước để tiến hành tổng hợp, phân tích, và đánh giá các thông tin chính liên quan đến bối cảnh, xu hướng, chuyển động chính sách của các quốc gia và thực tiễn của các DN, cũng như các xu hướng giải pháp ở các góc độ khác nhau.
- **Khảo sát điện rộng DN:** Khảo sát trực tuyến trên trang điện tử của VnExpress kết hợp thông qua các Hiệp hội thành viên Hội đồng tư vấn cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ.
- **Tham vấn, lấy ý kiến chuyên gia, hiệp hội và các tổ chức quốc tế:** Nghiên cứu thực hiện tham vấn với các chuyên gia, đối tác chuyên môn trong nước và quốc tế trong lĩnh vực chính sách và các lĩnh vực chuyên môn. Đồng thời, phỏng vấn sâu và lấy ý kiến của hơn 40 DN, Hiệp hội ngành hàng bao gồm các Hiệp hội thành viên Hội đồng tư vấn cải cách TTHC.

Thời gian thực hiện khảo sát và xây dựng báo cáo:

- **Thời gian khảo sát điện rộng:** từ ngày 27 tháng 06 đến 15 tháng 07 năm 2024.
- **Thời gian tham vấn, lấy ý kiến chuyên gia, hiệp hội:** từ 01 tháng 06 đến ngày 30 tháng 09 năm 2024.
- **Thời gian phân tích dữ liệu và xây dựng báo cáo:** tháng 10 đến tháng 12 năm 2024.
- **Thời gian tiếp thu, giải trình các ý kiến đóng góp của Bộ, ngành, thành viên Hội đồng tư vấn cải cách TTHC và hoàn thiện báo cáo:** tháng 1 đến tháng 2 năm 2025.

Đối tượng khảo sát: Các đại diện DN, hiệp hội DN, chuyên gia và tổ chức quốc tế.

Phạm vi khảo sát: Trên toàn lãnh thổ Việt Nam

Số trả lời khảo sát điện rộng: 891 đại diện DN sau khi được thu thập và xử lý làm sạch; trong đó 36.8% DN tại TP. Hà Nội, 40.5% DN tại TP. Hồ Chí Minh còn lại 22.7% từ các địa phương khác. Ngoài ra, 86.3% DN ngoài nhà nước, 4.6% DN nhà nước và 9.1% DN FDI (*Thông tin chi tiết được trình bày ở phụ lục*).

B. KẾT QUẢ KHẢO SÁT DIỆN RỘNG

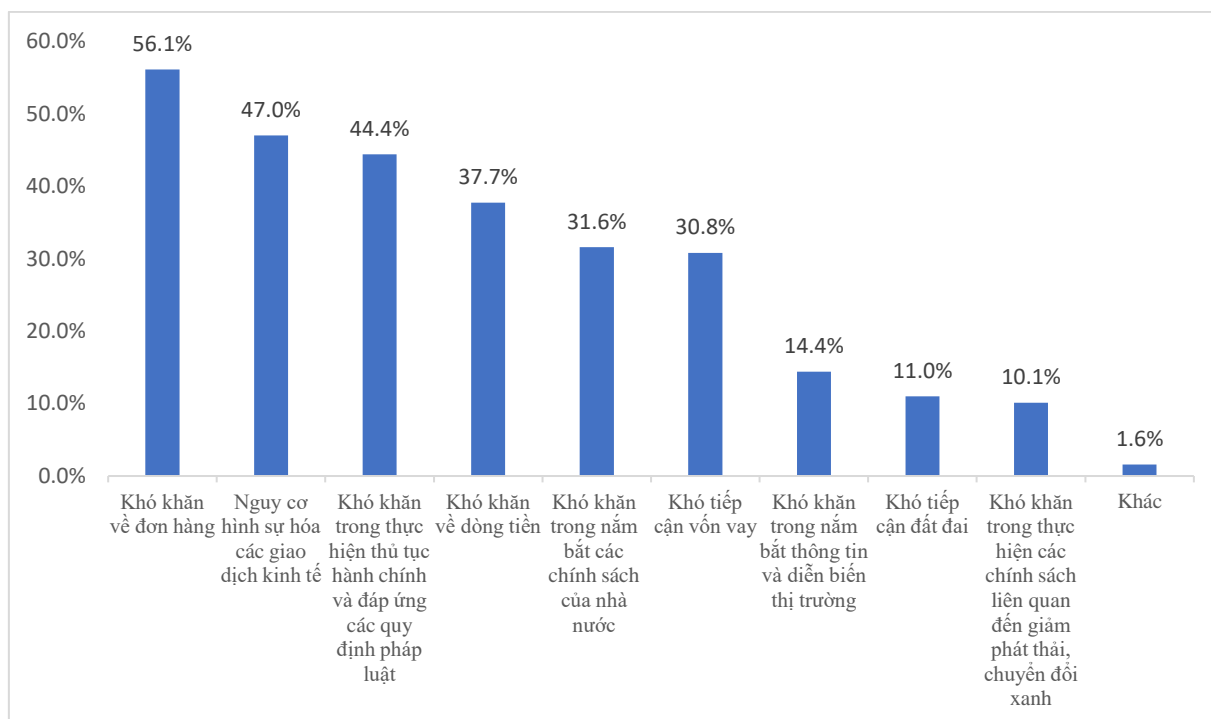
I. HIỆN TRẠNG CUNG CẤP/ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO GÓC NHÌN DOANH NGHIỆP

1. Đánh giá chung đối với việc thực hiện thủ tục hành chính trong hoạt động sản xuất, kinh doanh

Để có cơ sở đánh giá tổng quan của DN về hiện trạng thực hiện TTHC, nghiên cứu đã khảo sát các vấn đề khó khăn và thách thức lớn nhất mà DN đang gặp phải trong quá trình sản xuất kinh doanh. Kết quả khảo sát tại **Biểu đồ 1** cho thấy **Khó khăn trong thực hiện TTHC và đáp ứng các quy định pháp luật** là một trong ba nhóm vấn đề khó khăn lớn nhất mà DN đối diện với **44,4% tổng số doanh nghiệp tham gia khảo sát lựa chọn**, bên cạnh (i) Khó khăn về đơn hàng (56,1%) và (ii) Nguy cơ hình sự hóa các giao dịch kinh tế (47%).

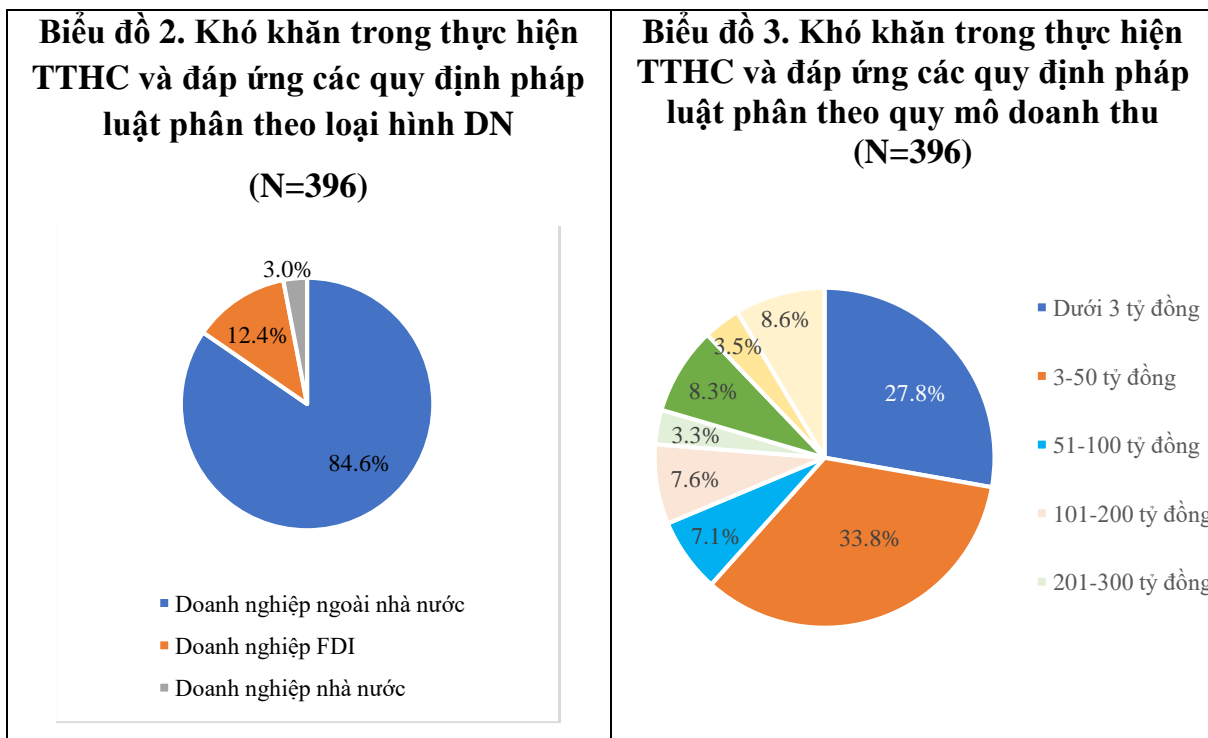
Biểu đồ 1. Khó khăn/thách thức lớn nhất mà doanh nghiệp đang đối diện

(N=891)



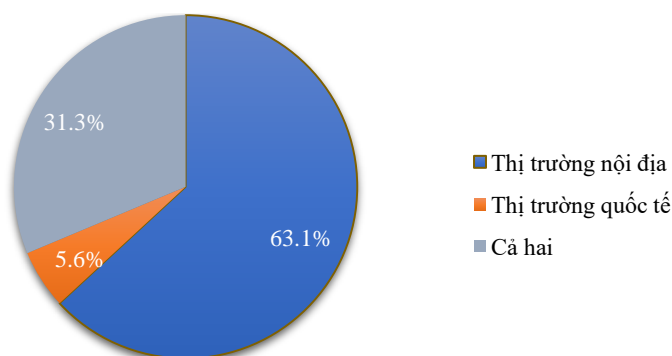
Đi vào nhận diện các DN đang gặp các khó khăn trong thực hiện TTHC và đáp ứng các quy định của pháp luật, kết quả khảo sát cho thấy các DN này chủ yếu ở hai trung tâm kinh tế lớn của cả nước là TP. Hà Nội với 38,4% tổng số doanh nghiệp và TP. HCM với 39,9%. Xét theo khu vực kinh tế, có **335 DN ngoài nhà nước** phản ánh việc khó khăn trong thực hiện TTHC, chiếm **84,6%** tổng số DN tham gia khảo sát, trong khi đó các **DN nhà nước** chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ với khoảng **3%** (**Biểu đồ 2**). Điều này cho thấy, các DN ngoài nhà nước có thể gặp tình trạng “bất cân xứng” trong việc thực hiện TTHC so với các DN nhà nước.

Xét theo quy mô DN, **56.3% các DN nhỏ và siêu nhỏ** (có quy mô dưới 50 lao động), vốn đã hạn chế về nguồn lực phát triển, vẫn là đối tượng gặp khó khăn lớn nhất trong quá trình thực hiện TTHC so với các DN khác. Cùng với đó, **Biểu đồ 3** cũng thể hiện rằng *các DN có quy mô doanh thu dưới 50 tỷ* là đối tượng phản ánh mức độ gặp khó khăn trong quá trình thực hiện TTHC lớn nhất so với các DN khác, chiếm **61.6%** tổng số DN.



Ở một góc nhìn khác, xét theo thị trường hoạt động của DN, khó khăn trong thực hiện TTHC thường gặp nhất ở **các DN chỉ hoạt động trên thị trường nội địa, chiếm 63.1%**; tiếp sau đó là 31.3% DN hoạt động trên cả hai thị trường nội địa và quốc tế; và chỉ 5.6% DN hoạt động trên thị trường quốc tế phản ánh việc gặp khó khăn trong việc thực hiện các TTHC. Kết quả này cho thấy sự khác biệt lớn giữa các DN hoạt động trên các thị trường trong việc tuân thủ các TTHC và quy định pháp luật (**Biểu đồ 4**).

Biểu đồ 4. Khó khăn trong thực hiện TTHC và đáp ứng các quy định pháp luật phân theo thị trường kinh doanh (N=396)



2. Đánh giá của doanh nghiệp về mức độ cải thiện và mong muốn ưu tiên cải cách đối với các nhóm thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh

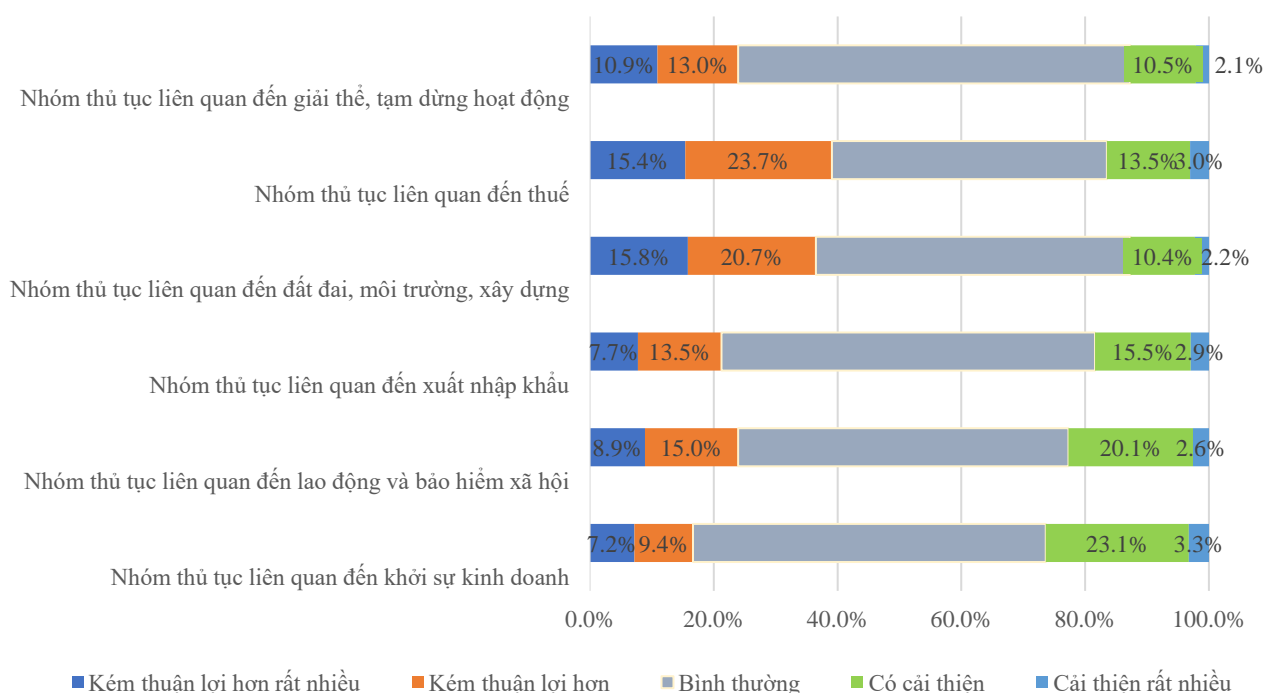
2.1. Đánh giá của doanh nghiệp về mức độ cải thiện trong thực hiện các nhóm thủ tục hành chính

Xét theo vòng đời của DN, có 06 nhóm TTHC cơ bản mà DN cần thực hiện liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình, bao gồm: *Nhóm TTHC liên quan đến khởi sự kinh doanh; Nhóm TTHC liên quan đến lao động và bảo hiểm xã hội (BHXH); Nhóm TTHC liên quan đến xuất nhập khẩu; Nhóm TTHC liên quan đến đất đai, môi trường, xây dựng; Nhóm TTHC liên quan đến thuế; và Nhóm TTHC liên quan đến giải thể, tạm dừng hoạt động.* Theo đó, mức độ cải thiện, trong phạm vi nghiên cứu của báo cáo này, được đo lường dựa trên ý kiến đánh giá của DN trong thực hiện 06 nhóm TTHC này so với năm 2023.

Kết quả khảo sát (**Biểu đồ 5**) cho thấy mức độ “**có cải thiện/cải thiện rất nhiều**” còn chưa cao, mới chỉ chiếm khoảng 10% - 30% trong tổng số 891 DN đánh giá. Trong đó, các nhóm TTHC có mức độ cải thiện cao theo đánh giá của DN, bao gồm: (i) Nhóm thủ tục liên quan đến khởi sự kinh doanh với 235/891 DN đánh giá ở mức “Có cải thiện/Cải thiện rất nhiều”, chiếm 26.4%; (ii) Nhóm thủ tục liên quan đến lao động và bảo hiểm xã hội với 202/891 DN đánh giá ở mức “Có cải thiện/Cải thiện rất nhiều” chiếm 22.7%. (iii) Nhóm thủ tục liên quan đến giải thể, tạm dừng hoạt động chiếm 12.6%, với 112/891 DN đánh giá “Có cải thiện/Cải thiện rất nhiều” trong việc thực hiện TTHC.

Biểu đồ 5. Mức độ cải thiện trong việc thực hiện TTHC liên quan đến DN

(N=891)



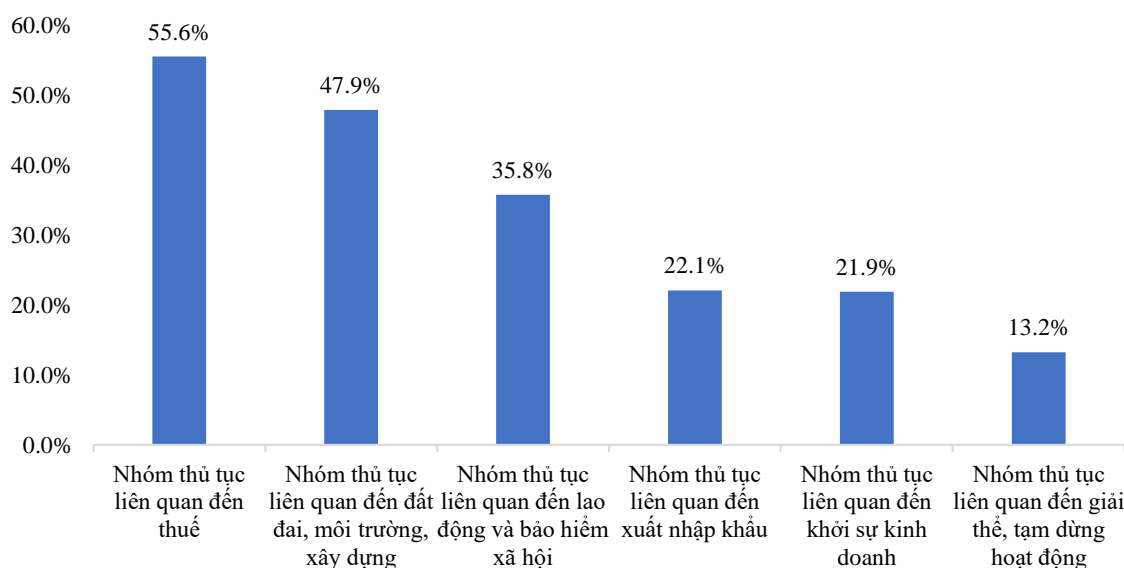
Ở chiều ngược lại, các nhóm TTHC có mức độ cải thiện kém thuận lợi theo đánh giá của DN, bao gồm: (i) Nhóm thủ tục liên quan đến thuế với 348/891 DN đánh giá ở mức “Kém thuận lợi hơn rất nhiều/Kém thuận lợi hơn” chiếm 39.1%; (ii) Nhóm thủ tục liên quan đến đất đai, môi trường, xây dựng với 325/891 DN đánh giá ở mức “Kém thuận lợi hơn rất nhiều/Kém thuận lợi hơn” chiếm 36.5%.

2.2. Đề xuất mức độ ưu tiên cải cách đối với các nhóm TTHC

Để đánh giá mong muốn của DN về mức độ ưu tiên cải cách trong thời gian tới với các nhóm TTHC, các DN tham gia khảo sát được đề nghị lựa chọn tối đa 03 nhóm TTHC được cho là quan trọng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình mà cần đề xuất tiếp tục cải thiện. Trong số 06 nhóm TTHC, nhóm TTHC liên quan đến thuế đứng vị trí đầu tiên trong danh sách lựa chọn ưu tiên cải cách (chiếm 55.5%), tiếp sau đó là nhóm TTHC liên quan đến đất đai, môi trường, xây dựng chiếm 47.9% và nhóm TTHC liên quan đến lao động và bảo hiểm xã hội chiếm 35.8%. Điều này đúng với thực tiễn DN trong quá trình phỏng vấn sâu, nhóm nghiên cứu cũng nhận được các phản hồi từ phía DN về các vướng mắc liên quan đến thuế, đất đai, hiện là những rào cản lớn nhất trong quá trình hoạt động của DN, và DN bày tỏ mong muốn được cải cách các nhóm TTHC này để tạo thuận lợi cho DN trong sản xuất kinh doanh.

Biểu đồ 6. Đề xuất ưu tiên cải cách của các nhóm thủ tục thời gian tới theo ý kiến của DN

(N=891)



Riêng đối với nhóm TTHC liên quan thuế, do là nhóm TTHC được DN đề xuất mức độ ưu tiên cải cách cao nhất so với các nhóm TTHC còn lại liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh tại kì khảo sát này, nhóm nghiên cứu sẽ dành phần sau để đi sâu nhận diện và phân tích các vấn đề liên quan.

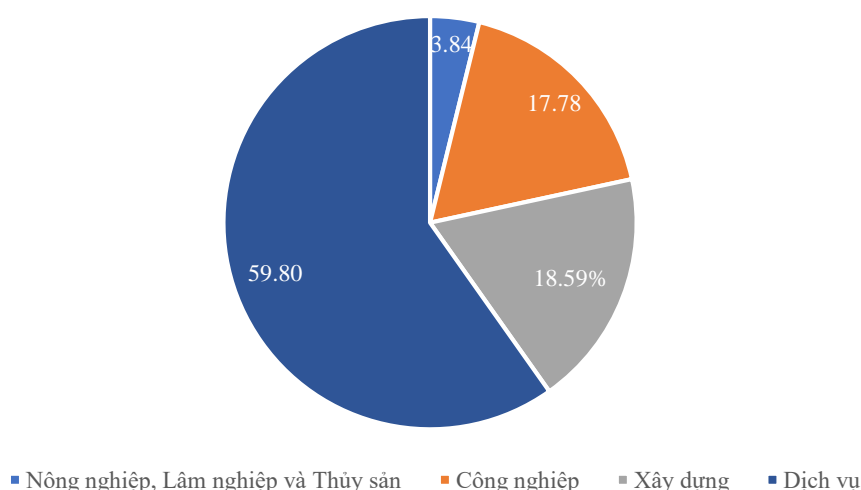
3. Đánh giá đối với nhóm TTHC liên quan thuế năm 2024

Theo kết quả khảo sát, khi được hỏi về 03 (ba) nhóm TTHC mà DN cho rằng cần ưu tiên cải cách nhất thời gian tới, nhóm thủ tục liên quan đến thuế được lựa chọn nhiều nhất với 495/891 DN, chiếm tỷ lệ 55.6% số DN tham gia khảo sát (**Biểu đồ 7**). Điều này cho thấy trong bối cảnh tình hình sản xuất, kinh doanh chưa hoàn toàn phục hồi như thời điểm trước đại dịch Covid-19 vì nhiều nguyên nhân bên trong và bên ngoài, thuế vẫn là mối bận tâm lớn của DN.

Theo ngành nghề kinh doanh, DN ngành Dịch vụ thể hiện sự quan tâm nhiều nhất đến việc tiếp tục cải cách đối với nhóm thủ tục liên quan đến thuế khi tỷ lệ DN lựa chọn ưu tiên chiếm đến 59.8%. DN hai ngành Xây dựng và Công nghiệp có tỷ lệ lựa chọn ưu tiên cải cách về thuế gần tương đương nhau (18.6% và 17.8%). Trong khi đó, chỉ có 3.84% là DN ngành Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản lựa chọn nhóm thủ tục liên quan đến thuế là cần ưu tiên cải cách trong thời gian tới.

Biểu đồ 7. Đánh giá của DN các ngành về tính ưu tiên cải cách nhóm thủ tục liên quan đến thuế

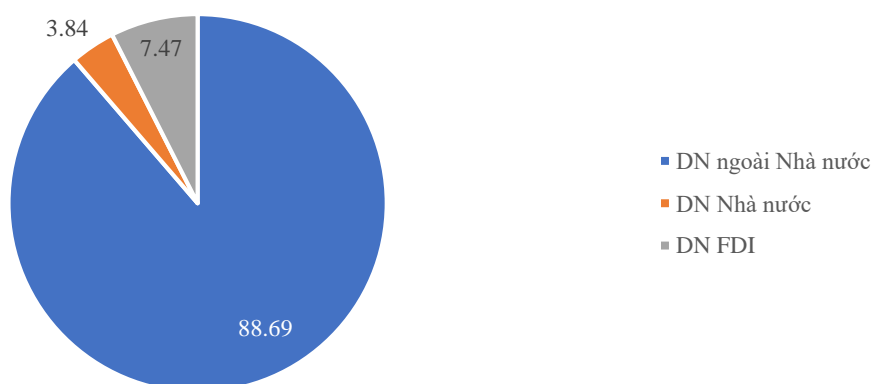
(Đơn vị: %)



Xét theo loại hình DN, điểm đáng chú ý là tỷ lệ DN FDI lựa chọn ưu tiên cải cách nhóm thủ tục liên quan đến thuế thời gian tới lại cao hơn so với tỷ lệ DN Nhà nước (7.5% so với 3.8% theo **Biểu đồ 8**). Điều này cũng phù hợp với mong đợi của các DN FDI đối với sự điều chỉnh chính sách thuế của Việt Nam liên quan đến việc thuế tối thiểu toàn cầu được áp dụng, cũng như thuế xuất nhập khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt, ảnh hưởng trực tiếp đến các DN FDI đang hoạt động tại Việt Nam. Nhóm DN ngoài nhà nước vẫn là nhóm có đề xuất ưu tiên cải cách các thủ tục liên quan đến thuế cao nhất với 88.7% DN tham gia khảo sát. Đây là nhóm DN cũng phản ánh gặp khó khăn nhiều nhất về các TTHC liên quan đến thuế.

Biểu đồ 8. Đánh giá của DN các loại hình về tính ưu tiên cải cách nhóm thủ tục liên quan đến thuế

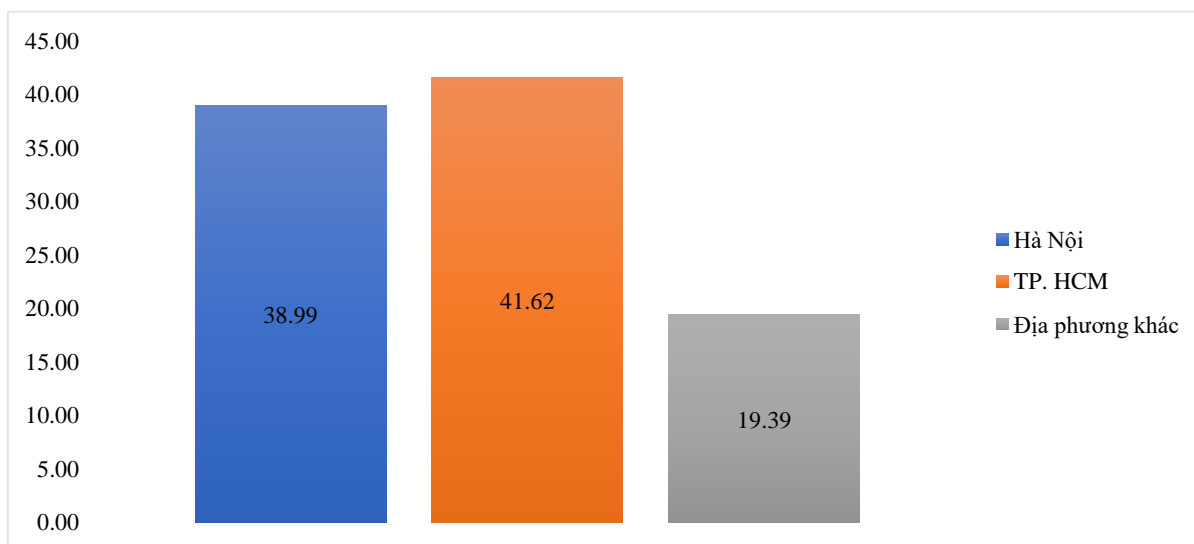
(Đơn vị: %)



Xét theo địa phương, DN tại hai thành phố lớn là TP Hà Nội và TP. HCM có tỷ lệ lựa chọn ưu tiên cải cách nhóm thủ tục liên quan đến thuế cao hơn các địa phương khác với tỷ lệ lần lượt là 41.6% và 38.9%.

Biểu đồ 9. Đánh giá về tính ưu tiên cải cách nhóm thủ tục liên quan đến thuế theo địa phương

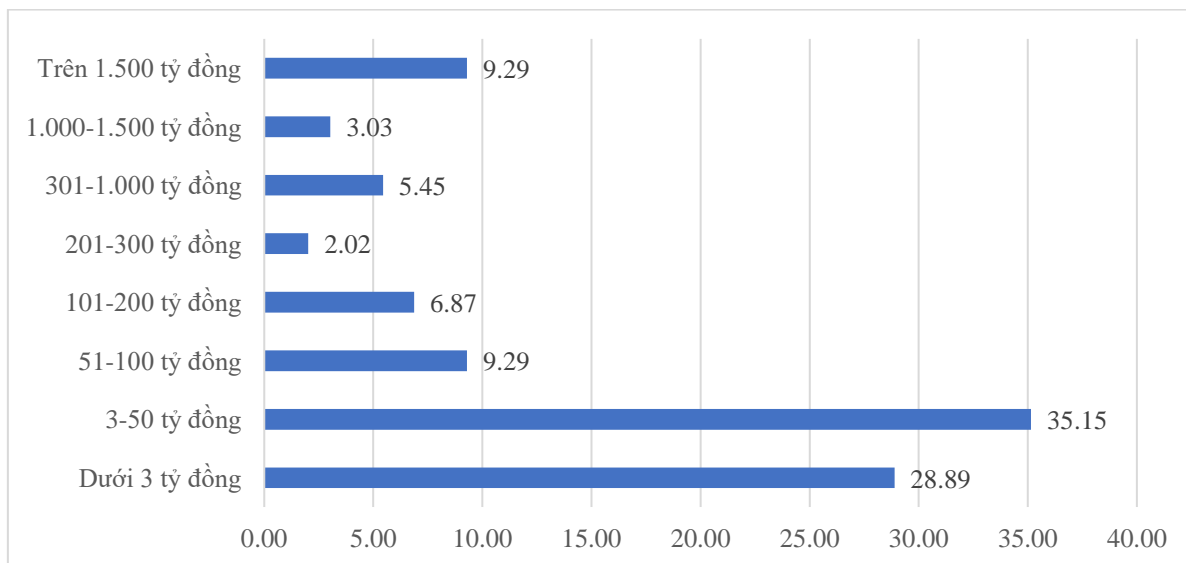
(Đơn vị: %)



Xét theo quy mô của DN, bao gồm cả quy mô về doanh thu và lao động, kết quả khảo sát cho thấy, các DN có quy mô nhỏ và siêu nhỏ đang có sự quan tâm nhiều hơn đến việc cải cách thuế so với các DN có quy mô lớn hơn; trong đó 64.04% DN có quy mô doanh thu dưới 50 tỷ đề xuất ưu tiên cải cách các thủ tục liên quan đến thuế.

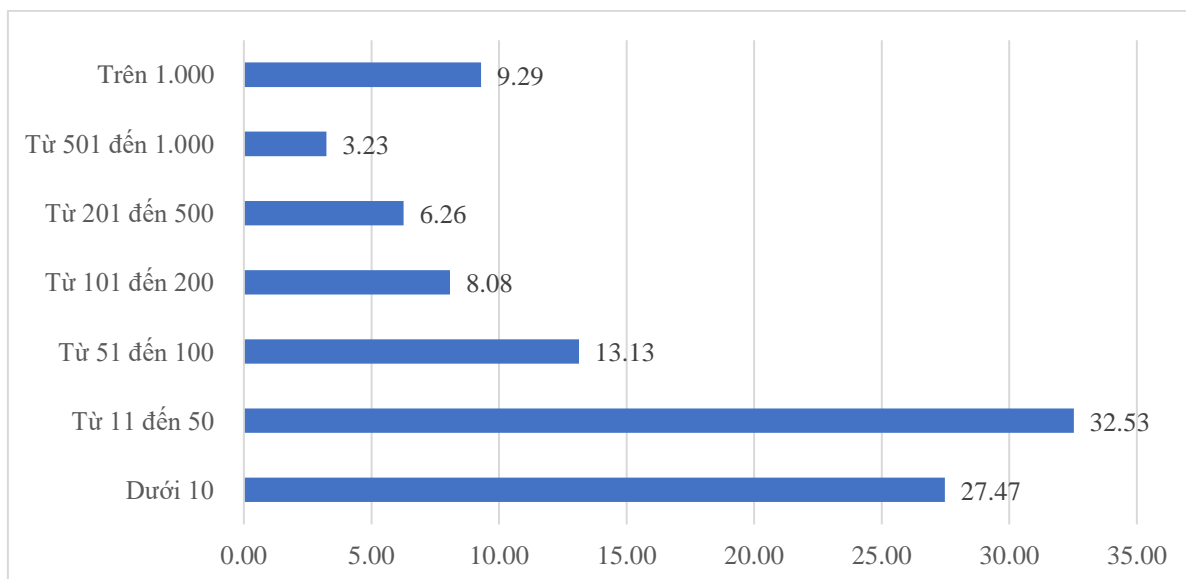
Biểu đồ 10. Đánh giá của DN về tính ưu tiên cải cách nhóm thủ tục liên quan đến thuế theo quy mô doanh thu

(Đơn vị: %)



Biểu đồ 11. Đánh giá của DN về tính ưu tiên cải cách nhóm thủ tục liên quan đến thuế theo quy mô lao động

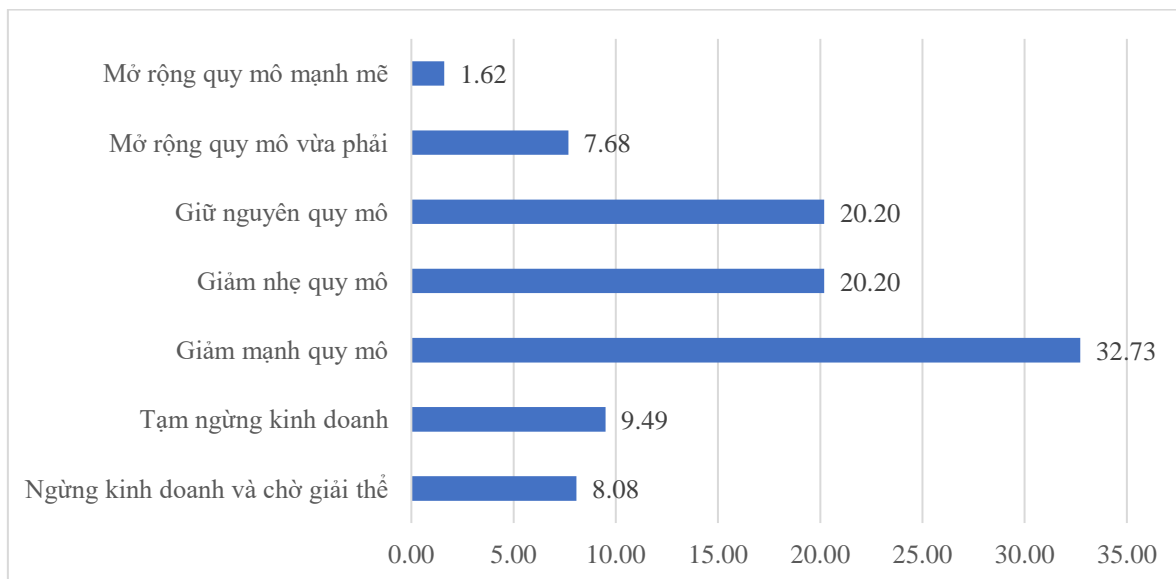
(Đơn vị: %)



Xét theo dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh của DN trong năm 2024, các DN có kế hoạch giữ nguyên hoặc giảm quy mô bày tỏ sự ủng hộ nhiều hơn đối với việc tiếp tục cải cách nhóm thủ tục về thuế so với các DN có kế hoạch mở rộng quy mô. Đặc biệt, các DN giảm mạnh quy mô có đề xuất cải cách nhóm thủ tục liên quan đến thuế cao nhất, với tỷ lệ 32.73% DN.

Biểu đồ 12. Đánh giá của DN về tính ưu tiên cải cách nhóm thủ tục liên quan đến thuế theo dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2024

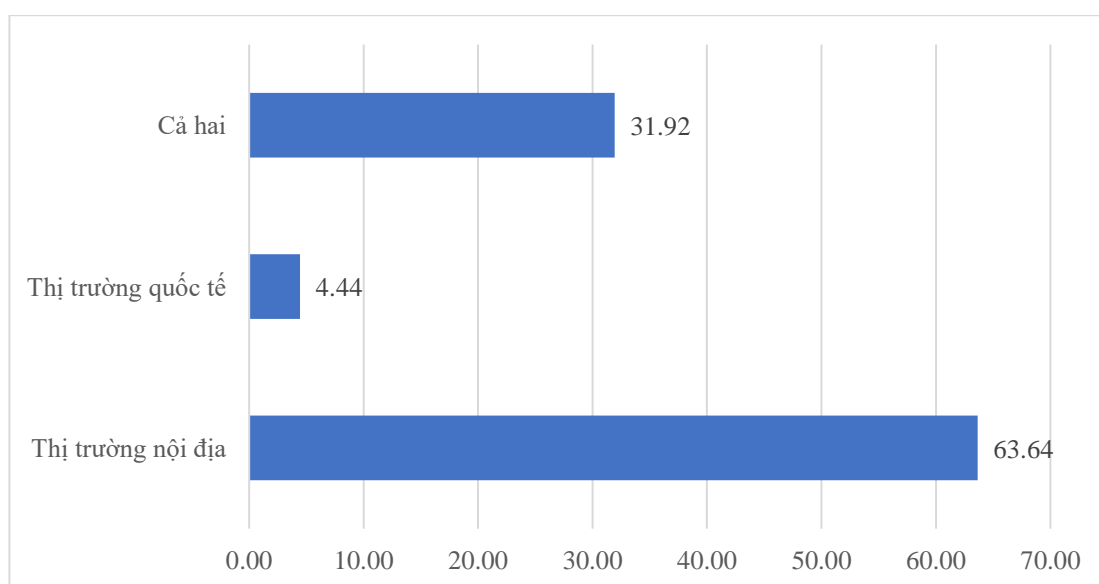
(Đơn vị: %)



Xét theo phạm vi hoạt động, có đến 63,64% DN hoạt động tại thị trường nội địa và 31,92% DN hoạt động tại thị trường nội địa và quốc tế lựa chọn ưu tiên cải cách nhóm thủ tục liên quan đến thuế, trong khi tỷ lệ này của các DN chỉ có thị trường quốc tế chỉ là 4,44%. Điều này có thể là một cân nhắc đối với cơ quan quản lý nhà nước về thuế nhằm đẩy mạnh cải cách các sắc thuế nội địa, đặc biệt nhóm các thủ tục liên quan đến hoàn thuế Giá trị gia tăng (GTGT).

Biểu đồ 13. Đánh giá của DN về tính ưu tiên cải cách nhóm thủ tục liên quan đến thuế theo phạm vi hoạt động

(Đơn vị: %)



II. TỔNG HỢP PHẢN ÁNH VỀ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG THỰC HIỆN TTHC

Trong phạm vi báo cáo này, nhóm nghiên cứu chưa đủ dữ liệu để phân tích rõ “nguyên nhân, lý do” cho từng phản ánh về khó khăn, vướng mắc của DN, để có thể khẳng định “vấn đề” phát sinh từ đâu, từ nội dung quy định TTHC hay từ phía các cơ quan cung cấp, thực hiện TTHC hoặc từ phía DN do có thể còn hạn chế trong các khâu chuẩn bị giấy tờ, tuân thủ... Tuy nhiên, báo cáo vẫn xin nêu khách quan, trung thực ý kiến của DN để các cơ quan có liên quan tổng hợp, xem xét nhằm thúc đẩy các nỗ lực cải cách, cải thiện môi trường kinh doanh hiệu quả, chất lượng và được ghi nhận nhiều hơn bởi cộng đồng DN.

1. Trong thực hiện nhóm TTHC liên quan đến khởi sự kinh doanh

1.1. Thiếu sự đồng bộ và nhất quán trong quy trình thủ tục

Một trong những vấn đề nổi bật mà các DN phản ánh là quy trình TTHC trong khởi sự kinh doanh chưa được thực hiện đồng bộ và nhất quán giữa các địa phương. Mặc dù Chính phủ đã thực hiện nhiều cải cách nhằm đơn giản hóa thủ tục, DN tại Hà Nội và nhiều tỉnh thành khác phản ánh thực tế vẫn gặp khó khăn trong quá trình khởi sự kinh doanh so với các khu vực như TP.HCM, nơi được cho là cải thiện tốt hơn.

Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới (Doing Business 2020¹), thời gian trung bình để hoàn thành thủ tục khởi sự kinh doanh tại Việt Nam lên tới 16 ngày, với ít nhất 8 thủ tục cần hoàn thành. Con số này thấp hơn so với mức trung bình 25,6 ngày của khu vực Đông Á – Thái Bình Dương, tuy nhiên ở các quốc gia trong khu vực như New Zealand và Singapore chỉ mất 0,5 - 1,5 ngày. Nguyên nhân quy trình thủ tục liên quan đến khởi sự kinh doanh vẫn còn kéo dài được xác định tại thời điểm đó là do các cơ quan vẫn yêu cầu DN cung cấp các thông tin trùng lặp hoặc không cần thiết, thiếu sự kết nối, chia sẻ thông tin, liên thông thủ tục giữa các cơ quan liên quan.

Trước thực tế này, Việt Nam đã thực hiện những cải cách: (i) Tại Luật Doanh nghiệp 2020, 02 thủ tục về Làm con dấu doanh nghiệp và Gửi thông báo mẫu con dấu cho cơ quan đăng ký kinh doanh đã được bãi bỏ theo quy định mới; (ii) Nghị định 122/2020/NĐ-CP ban hành ngày 15/10/2020 đã tích hợp 03 quy trình gồm: (1) đăng ký bảo hiểm xã hội; (2) khai trình lao động và (3) đăng ký sử dụng hóa đơn vào quy trình đăng ký doanh nghiệp. Theo đó, thay vì thực hiện 4 thủ tục tại 4 cơ quan khác nhau, DN sẽ chỉ phải chuẩn bị 01 bộ hồ sơ, kê khai 01 biểu mẫu, thực hiện thủ tục tại 01 cơ quan và nhận 01 kết quả. Các cơ quan sẽ chia sẻ thông tin với nhau thông qua mạng điện tử giữa các hệ thống dữ liệu của mỗi cơ quan.

Kết quả, về mặt quy định, quy trình khởi sự kinh doanh ở Việt Nam giảm xuống còn tối thiểu 3 thủ tục với thời gian thực hiện 6 ngày. Tuy nhiên, thực tế phản ánh của DN khi thực hiện nhóm TTHC này cho thấy vẫn còn những vấn đề ở khâu thực thi,

¹ Tại thời điểm thực hiện báo cáo này, dữ liệu Doing Business mới nhất của Ngân hàng Thế giới chỉ tính đến thời điểm khảo sát năm 2020. Link: https://archive.doingbusiness.org/en/data/exploreconomies/vietnam#DB_sb

khiến thời gian và chi phí tuân thủ có sự khác biệt giữa các địa phương và thường không đảm bảo được theo quy định.

Hộp 1. Sự thiếu nhất quán trong quy trình thủ tục khởi sự kinh doanh giữa các địa phương

- (1) DN FDI lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại Hà Nội: Rất phức tạp tại Hà Nội. Ở TP HCM có sự cải thiện.
- (2) Hộ kinh doanh tại Hà Nội: Chỉ cần đăng ký mỗi hộ kinh doanh là biết. Quận Cầu Giấy hành đủ loại thủ tục, trong khi luật quy định mỗi tờ đơn đăng ký và căn cước công dân.
- (3) Hộ kinh doanh tại Long An: Thủ tục thành lập Hợp tác xã bị cản trở ngay từ địa phương, cán bộ sợ phải chịu trách nhiệm.
- (4) Hộ kinh doanh tại tỉnh Vĩnh Phúc: Lãnh đạo tỉnh Vĩnh Phúc bị kỷ luật nhiều. Các hoạt động giải ngân vốn đầu tư công, dự án mới cũ rất chậm trễ. Tại các huyện thị, cán bộ gây khó khăn, thủ tục đăng ký kinh doanh khó làm, chậm trễ.
- (5) DN lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại Hà Nam: Cán bộ bây giờ làm việc cứng nhắc và sợ trách nhiệm.
- (6) DN FDI lĩnh vực y tế và hoạt động trợ giúp xã hội tại TP HCM: (Cán bộ xử lý) Không dám quyết định, luôn chờ hỏi ý kiến.
- (7) Hộ kinh doanh tại Hà Nội: Thuận lợi. Nhìn chung khởi sự kinh doanh dễ dàng, sau này mới phức tạp.
- (8) DN lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tại An Giang: Chúng tôi đã đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang, nhưng rất nhiều lần bộ phận tiếp nhận hồ sơ gây nhiễu và làm khó dễ hơn 1 tháng.

1.2. Yêu cầu giấy phép con và điều kiện kinh doanh còn phức tạp

Một khó khăn khác mà DN khởi sự kinh doanh phải đối mặt là yêu cầu các giấy phép con và điều kiện kinh doanh. Điều này gây cản trở lớn cho các DN chưa có nhiều kinh nghiệm trong vận hành hoạt động và thực hiện TTHC. Các DN hoạt động trong các lĩnh vực như hóa chất, xây dựng và thực phẩm phản ánh gặp phải khó khăn do phải tuân thủ các quy định của nhiều cơ quan quản lý khác nhau, đồng thời phải đáp ứng các yêu cầu pháp lý không rõ ràng và thường xuyên thay đổi.

Đặc biệt, nhiều DN nhỏ phản ánh rằng quy định về các giấy phép con và điều kiện kinh doanh là trở ngại lớn nhất khi bắt đầu hoạt động kinh doanh. Việc phải xin nhiều giấy phép từ nhiều cơ quan khác nhau làm chậm quá trình gia nhập thị trường của DN, đặc biệt đối với các DN nhỏ vốn hạn chế về nguồn lực. Trong một số nghiên cứu và báo cáo như "From Red Tape to Smart Tape" và "Administrative burden on start-ups", Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) thường nhấn mạnh rằng việc cải thiện quy trình xử lý hồ sơ có thể giúp giảm thiểu chi phí khởi nghiệp và tăng tốc độ gia nhập thị trường của DN, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực như hiện nay.

Trong khi đó, với tầm quan trọng của cải cách điều kiện kinh doanh, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ thường xuyên chỉ đạo nội dung này tại các phiên họp thường kì của Chính phủ. Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt

động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025 (ban hành kèm Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ) sau 03 năm thực hiện, bước đầu tạo xu hướng xây dựng pháp luật minh bạch. Trong năm 2023, tổng hợp từ các bộ, ngành cho thấy đã thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa 628 quy định kinh doanh tại 53 văn bản quy phạm pháp luật, nâng tổng số quy định kinh doanh được cắt giảm, đơn giản hóa từ năm 2021 đến hết năm 2023 là 2.770 quy định. Tuy vậy, theo báo cáo rà soát sơ bộ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, mức độ rà soát và các phương án sửa đổi điều kiện kinh doanh về cơ bản còn rất ít hoặc mang tính hình thức, chưa thật sự có ý nghĩa và tạo thuận lợi cho DN.

Hộp 2. Gánh nặng từ các yêu cầu về giấy phép con và điều kiện kinh doanh

- (1) DN công nghiệp chế biến, chế tạo tại Hà Nội: Giấy phép kinh doanh có điều kiện hóa chất, thủ tục gặp rất nhiều trở ngại, chi phí rất cao.
- (2) Hộ kinh doanh tại Vĩnh Phúc: Thủ tục đăng ký phức tạp, đòi hỏi nhiều điều kiện không cần thiết. Chỉ cần gắn trách nhiệm, nghĩa vụ cho người nộp thuế là đủ. Vấn đề đăng ký ngành nghề cụ thể tạo ra giới hạn kinh doanh cho người nộp thuế, dẫn đến việc mất linh hoạt trong việc xây dựng phương án kinh doanh trong ngắn hạn khi có dịch chuyển xu hướng tiêu dùng.
- (3) DN lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại Thái Nguyên: Giấy phép xin rất khó khăn vì nhiều giấy phép con. Đơn cử như phòng cháy chữa cháy không có hướng dẫn quy chuẩn cụ thể.
- (4) DN lĩnh vực y tế và hoạt động trợ giúp xã hội tại Hà Nội: Thủ tục hành chính, đăng ký sản phẩm khó khăn.
- (5) DN FDI lĩnh vực vận tải, kho bãi tại Hà Nội: Quá nhiều yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài. Yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự sao kê ngân hàng của nhà đầu tư nước ngoài để chứng minh tài chính khi đăng ký đầu tư ở Việt Nam trong khi số tiền là nhỏ và luôn có thể kiểm tra sau.
- (6) DN lĩnh vực khai khoáng tại Hà Nội: Quá nhiều thủ tục pháp lý cho một chủ thể kinh doanh, nhất là điều kiện kinh doanh. Dù đã được cấp chứng chỉ hoạt động xây dựng trên hệ thống công thông tin của Bộ Xây dựng, nhưng khi nộp hồ sơ vẫn phải đi công chứng, vẫn phải chứng minh.

1.3. Thiếu thông tin và hỗ trợ từ cơ quan quản lý

Một vấn đề phản ánh phổ biến là DN còn thiếu sự hỗ trợ và hướng dẫn cụ thể từ cơ quan quản lý trong quá trình làm thủ tục khởi sự kinh doanh. Nhiều DN nhỏ cho biết họ phải tự tìm hiểu quy định và thường gặp khó khăn trong việc nắm rõ các yêu cầu về hồ sơ. Điều này không chỉ làm gia tăng thời gian xử lý mà còn dẫn đến việc phải nộp hồ sơ nhiều lần do sai sót hoặc thiếu thông tin.

Theo báo cáo “OECD SME and Entrepreneurship Outlook 2023” của OECD, thông tin thiếu minh bạch là một trong những yếu tố gây trở ngại lớn nhất cho các DN nhỏ trong giai đoạn khởi nghiệp. Trong khi đó, tại Việt Nam, mặc dù đã có quy định về công bố, công khai TTHC, hay các cổng thông tin điện tử của chính quyền các tỉnh, thành cũng đã cung cấp một số tài liệu hướng dẫn, nhưng các quy định pháp lý vẫn còn rời rạc, thiếu tính liên kết giữa các TTHC theo lĩnh vực kinh doanh/đầu tư và chưa đồng bộ giữa các tỉnh, thành phố hoặc quá trình thực hiện không diễn biến nhất quán với

thông tin được công bố. Thực tế này gây lúng túng cho DN trong quá trình hoàn thiện hồ sơ và làm mất nhiều thời gian hơn dự kiến.

Hộp 3. Thiếu thông tin và hướng dẫn cụ thể từ cơ quan quản lý

- (1) Hộ gia đình tại TP HCM: Các cơ quan hành chính, đặc biệt là đội quản lý thị trường, nhiều, luôn muốn chứng minh nguồn gốc xuất xứ dù là hộ kinh doanh tự sản xuất thì làm sao xuất hóa đơn cho cửa hàng. Đến khi có hóa đơn thì đòi giấy phép QCVN... Một người mới khởi nghiệp chưa kịp kinh doanh gì mà đã chèn ép nhưng không có hướng dẫn, thông báo, không tạo điều kiện, không cho thời gian.
- (2) DN lĩnh vực bán buôn, bán lẻ tại Hà Nội: Khi mở DN, việc triển khai hỗ trợ DN nhỏ gần như không có, nhưng cán bộ thuế cố gắng đẩy DN vào các trường hợp bị phạt, sau đợi các DN phong bì mới giải quyết. Thủ tục đóng nộp thuế nhiều kê.
- (3) DN lĩnh vực thông tin, truyền thông, CNTT tại Hà Nội: Các cơ quan hành chính thường không hướng dẫn và đồng hành cùng DN, chỉ tập trung vào xử phạt.
- (4) DN lĩnh vực vận tải, kho bãi tại TP HCM: Cơ quan thuế tạm dừng không cho xuất hóa đơn đột ngột (khóa mã số thuế) làm DN không xuất hóa đơn được, dẫn đến đối tác không thanh toán. Lên cơ quan thuế giải quyết thì được yêu cầu về Phường xác nhận có kinh doanh ở địa phương. Vì những lý do đơn giản như vậy mà làm cho DN không có tiền thanh toán cho nhân viên, đối tác, trả lãi ngân hàng... dẫn đến DN bị phá sản. Còn muốn giải quyết nhanh thì phải chung tiền.
- (5) DN FDI lĩnh vực vận tải, kho bãi tại Hà Nội: Cán bộ một cửa và cán bộ chuyên môn có ý kiến khác nhau, yêu cầu DN sửa đổi hồ sơ các điểm không hợp lý trong khi không có rủi ro gì đến việc đăng ký đầu tư, đăng ký kinh doanh, làm lãng phí thời gian, tiền bạc của DN và xã hội.
- (6) DN lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại TP HCM: Mỗi nhân viên Sở Kế hoạch và Đầu tư góp ý một kiểu đối với hồ sơ. Soi từng chữ và có khi hồ sơ thành lập DN đưa lên đưa xuống cả 5-7 lần mới xong.
- (7) DN lĩnh vực xây dựng tại TP HCM: Cán bộ tương tác với DN thiếu sự hỗ trợ đầy đủ về thông tin thủ tục cần và đủ, dẫn đến việc tương tác xử lý mất thời gian và không đi đến kết quả cần.

1.4. Sự phối hợp chưa chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý và thiếu đồng bộ dữ liệu

Mặc dù đã có những quy định về liên thông giữa các cơ quan nhà nước, DN vẫn phản ánh rằng sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý còn thiếu chặt chẽ. Việc phải nộp hồ sơ tại nhiều cơ quan khác nhau để xử lý các thủ tục liên quan, như đăng ký kinh doanh, thuế, và giấy phép môi trường, đã làm tăng thêm gánh nặng hành chính cho DN.

Ngoài ra, việc dịch vụ công trực tuyến chưa đồng bộ cũng khiến các DN mới khởi nghiệp phải đối mặt với tình trạng nộp hồ sơ nhiều lần, vừa trực tuyến vừa trực tiếp. Điều này làm giảm hiệu quả của cải cách TTHC và kéo dài thời gian thực hiện thủ tục khởi sự kinh doanh. Dù đã có những nỗ lực trong triển khai cổng dịch vụ công trực tuyến, báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc

chuyên đề nâng cao hiệu quả cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến, ngày 31/8/2024, cho thấy tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình phát sinh hồ sơ của địa phương còn thấp, mới đạt 17%; việc tái sử dụng dữ liệu để người dân chỉ cung cấp thông tin một lần còn thấp.

Theo báo cáo “Rethinking e-Government Services: User-Centred Approaches” (OECD, 2009), việc thực hiện đồng bộ giữa các cơ quan quản lý và cung cấp các dịch vụ công trực tuyến đồng nhất có thể giúp giảm đáng kể thời gian và chi phí cho DN khởi sự. Việc đẩy mạnh liên thông dữ liệu giữa các cơ quan là yếu tố quan trọng giúp cải thiện tốc độ xử lý TTHC.

Hộp 4. Thiếu sự phối hợp liên thông giữa các cơ quan quản lý

- (1) DN tại Hà Nội: Cần phải xin giấy phép của Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Xây dựng... khá nhiều và mất công sức.
- (2) Hộ kinh doanh tại Hà Nội: Đổi thông tin số điện thoại trên giấy phép đăng ký kinh doanh còn khó. Chụp căn cước công dân (CCCD) không nhận, scan cũng không xong. Trong khi cái này đâu có cần, đăng nhập vào tài khoản quản lý, đã xác minh rồi thì chỉ cần sử dụng thông tin CCCD đã có là xong.
- (3) DN lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại Hải Dương: Các thủ tục online, các giấy tờ điện tử thực hiện vẫn chưa hiệu quả.
- (4) DN hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tại TP HCM: Thủ tục đăng ký kinh doanh trực tuyến vẫn không đồng bộ giữa các địa phương.
- (5) DN lĩnh vực bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác tại TP HCM: Khó khăn trong đăng ký kinh doanh, phải qua trung gian giải quyết, làm tăng chi phí không hợp lý.

1.5 Thiếu trợ lực, hỗ trợ từ Nhà nước đối với các DN khởi sự kinh doanh

Các DN nhỏ và vừa (DNNVV) cũng gặp khó khăn lớn trong việc tiếp cận nguồn vốn và chương trình hỗ trợ từ Nhà nước. Nhiều DN phản ánh rằng họ không nhận được hỗ trợ tài chính hoặc các chương trình đào tạo về quản trị DN như mong đợi.

Báo cáo của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD, 2021) chỉ ra rằng, tại Việt Nam, chỉ 22% DNNVV được tiếp cận với các nguồn tài trợ hoặc chính sách hỗ trợ tài chính từ Nhà nước, trong khi tỷ lệ này tại các quốc gia phát triển cao hơn nhiều. Điều này cho thấy cần có thêm các biện pháp chính sách tài chính phù hợp để tạo điều kiện cho DN nhỏ khởi nghiệp và phát triển bền vững.

Hộp 5. Động lực và niềm tin gia nhập thị trường sụt giảm của các DN khởi sự kinh doanh.

- (1) Hộ kinh doanh tại TP HCM: Hành lang pháp lý chưa rõ ràng đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. DN nhỏ trong nước bị bất lợi so với các chủ thể kinh doanh hàng hóa từ Trung Quốc do họ không phải chịu thuế cho đơn hàng nhỏ.
- (2) DN lĩnh vực dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch tại TP HCM: Nên miễn phí môn bài 3 năm đầu cho DN nhỏ.
- (3) DN lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại TP HCM: Thiếu cơ chế hỗ trợ vốn phát triển công nghệ và tiếp cận đối tác triển khai thị trường. Thiếu đào tạo quản trị và đánh giá khả thi dự án. Công nghệ áp dụng vào thị trường còn nhiều rào cản và rủi ro pháp lý. Chưa có cơ chế “sandbox” để thử nghiệm ý tưởng mới. DN có vốn nước ngoài phải hơn 1 năm mới hoàn thành xong thủ tục!
- (4) Hộ gia đình tại TP HCM: Khởi sự kinh doanh chi phí cần thấp, vốn cần cung cấp để dễ dàng khởi nghiệp, tư vấn các vấn đề pháp luật kinh doanh cần rõ ràng, cụ thể.
- (5) DN kinh doanh thiết bị giám sát, thiết bị điện tử, viễn thông tại Bình Phước: Không tiếp cận được các chính sách hỗ trợ DN mới, cũng như hỗ trợ nguồn vốn vay từ ngân hàng.
- (6) DN dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch tại TP HCM: DN vừa và nhỏ tiếp cận thông tin của nhà nước rất hạn chế!
- (7) DN lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tại TP HCM: TP HCM có trung tâm start-up mà có giúp gì được đâu. Mail đến hỏi về lĩnh vực pin mà có hỗ trợ được gì đâu, hầu như mấy bạn nhỏ không biết kỹ thuật.

2. Trong thực hiện nhóm TTHC liên quan đến lao động và bảo hiểm xã hội

2.1. Sự không ổn định của chính sách và gánh nặng chi phí

DN phản ánh rằng sự thay đổi của các chính sách bảo hiểm xã hội (BHXH) đã tạo ra tâm lý lo ngại, cả đối với người lao động lẫn DN. Nhiều người lao động đã chọn rút BHXH một lần do lo sợ rằng chính sách có thể thay đổi theo hướng bất lợi, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính của DN.

Theo Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2023), chỉ tính riêng trong 10 tháng năm 2023, số lượng người lao động rút BHXH một lần đã tăng tới 31,38% so với cùng kỳ năm 2022, chiếm 5% tổng số người tham gia BHXH. Tuy nhiên, theo thống kê của BHXH Việt Nam, sau khi Luật BHXH 2024 được ban hành, số người hưởng BHXH một lần năm 2024 giảm 1,6% so với năm 2023 (số người hưởng BHXH một lần năm 2024 là 1.094.624 người”. Ngoài ra, mức đóng BHXH và các loại bảo hiểm liên quan người lao động tại Việt Nam bị cho là cao so với các nước trong khu vực, chiếm tới 32% tổng lương của người lao động, là một trong những nguyên nhân gây áp lực lớn đối với DN, đặc biệt là các DN vừa và nhỏ và chính người lao động. Điều này khiến DN gặp khó khăn về dòng tiền vận hành trong giai đoạn hậu COVID-19, đồng thời gặp khó khăn

trong việc cạnh tranh với các thị trường quốc tế khác, nơi có mức đóng BHXH và các loại bảo hiểm cho người lao động thấp hơn.

Hộp 6. Một số rào cản trong thực hiện của chính sách bảo hiểm xã hội, lao động, công đoàn

- (1) Hộ gia đình tại TP HCM: Chính sách BHXH thay đổi liên tục khiến người lao động nghi việc để rút BHXH 1 lần nên ảnh hưởng đến DN.
- (2) DN lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại Nam Định: BHXH nộp tỷ lệ cao. Phần kinh phí công đoàn và đoàn phí công đoàn nên để lại cho DN 90% và giảm mức đóng.
- (3) DN lĩnh vực đầu tư và công nghiệp thực phẩm/ăn uống tại Hà Nội: Quy định đối với lao động ngắn hạn phải đóng BHXH rất phiền phức.
- (4) DN FDI tại Hà Nội: DN nộp tiền vào Liên đoàn Lao động là tạo thêm thủ tục rườm rà, nếu DN muốn lấy lại tiền để hỗ trợ cán bộ công nhân viên.
- (5) DN FDI tại Bình Dương: Thủ tục xin giấy phép lao động cho người nước ngoài còn phức tạp.

2.2. Thanh tra, kiểm tra thường xuyên và không minh bạch

Một vấn đề khác mà DN vẫn phải đối diện là tần suất thanh tra, kiểm tra quá thường xuyên, gây ra sự phiền toái và làm tăng chi phí hành chính. Theo phản ánh, nhiều cuộc thanh tra mang tính chất bắt bẻ các chi tiết nhỏ thay vì tập trung hỗ trợ DN tuân thủ đúng quy định.

Báo cáo của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI, 2021) cho thấy, 64% số DN tham gia khảo sát trong thực tế có tiếp các đoàn thanh tra. Trong số đó, 20% cho biết phải trả các khoản chi phí không chính thức, 14% số DN cho rằng vẫn bị gây phiền hà, 10% thừa nhận phải tiếp đón đoàn thanh tra nhiều hơn 3 lần/năm. Nhiều DN phản ánh tình trạng một số cơ quan nhà nước tránh áp dụng các quy định chặt chẽ về thanh tra bằng cách tiếp cận DN nhưng không gọi là “thanh tra”, mà gọi là “kiểm tra”². Những cuộc kiểm tra này đôi khi không đồng bộ và gây ra sự phiền toái cho DN, làm tăng thêm chi phí hành chính mà không mang lại lợi ích thiết thực. Để khắc phục tình trạng này, cần thiết phải minh bạch hóa quy trình này thông qua một cổng thông tin điện tử tập trung. Cơ quan nhà nước trước khi thanh tra cần đăng tải công khai kế hoạch trên cổng thông tin này để tránh trùng lặp giữa các cuộc thanh tra. Kết quả thanh tra sẽ được lưu trữ lại trên cổng để phục vụ công tác quản lý nhà nước.

² <https://vneconomy.vn/van-con-tinh-trang-lam-dung-hoat-dong-kiem-tra-de-nhung-nhieu-doanh-nghiep.htm>

Hộp 7. Tàn suất thanh tra và kiểm tra quá thường xuyên

(1) DN lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại TP HCM: DN kinh doanh đóng BHXH đầy đủ nhưng vài tháng nay cứ thi thoảng lại nhận được công văn yêu cầu giải trình của cơ quan BHXH về việc sai lệch tên gọi hoặc việc không đóng bảo hiểm cho lao động thời gian thử việc trong quá khứ (mặc dù DN làm đúng luật) do chênh lệch giữa BHXH và Thuế. Việc này là ví dụ điển hình trong việc đặt lợi ích của việc quản lý nhà nước, của cơ quan nhà nước trên lợi ích của DN. Đồng ý là có một số DN trốn đóng BHXH nhưng không thể cào bằng cả xã hội và dựa vào dòng chữ, ký tự để bắt tất cả DN giải trình như vậy. Bản thân nhân viên trong cơ quan BHXH cũng quá tải và gần đây cũng có nhiều nhân viên xin nghỉ vì lý do này. Công việc ở cơ quan BHXH lại càng tồn đọng, việc giải quyết chế độ BHXH kéo dài hơn trước gấp mấy lần. Một quyết định của cơ quan nhà nước có tác động rất lớn đến rất nhiều bên liên quan, đặc biệt là DN. Vì vậy mong cơ quan nhà nước mỗi khi ra một quyết định mới, một sự thay đổi mới thì đó phải là một quyết định đúng đắn, một sự thay đổi tốt hơn chứ không phải là gây ra thêm vấn đề. Cần tập trung vào đối tượng cần kiểm soát không nên tràn lan chung chung.

(2) DN lĩnh vực thông tin, truyền thông, CNTT tại Hà Nội: DN thực hiện thanh toán chế độ BHXH cho người lao động đúng quy định nhưng vẫn bị cơ quan BHXH kiểm tra (như việc kiểm tra đóng BHXH từ 6-8 tháng trước khi lao động nữ sinh con, bản thân người lao động có thể không thể biết mình mang bầu thời điểm đấy, nhưng vẫn nghi ngờ DN trục lợi) và yêu cầu nhiều thủ tục giấy tờ rồi dẫn đến việc sai phạm khác. Đều là những sai phạm do DN tự làm theo ý hiểu, không có cán bộ chuyên trách (như chăm công không đúng quy định).

(3) DN tại Hà Nội: Cán bộ bảo hiểm hách dịch, không hướng dẫn DN cụ thể.

(4) DN lĩnh vực thông tin, truyền thông, CNTT tại TP HCM: Cán bộ BHXH tăng kiểm tra DN nhưng bắt bẻ một cách vô lý và thiếu chuyên môn. DN để tránh phiền phức nên phải làm theo.

(5) DN lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại TP HCM: Giải quyết vấn đề bảo hiểm khó khăn hơn so với những thủ tục của các cơ quan nhà nước khác.

2.3 Khó khăn trong tuyển dụng và duy trì lao động

DN cũng cho biết tình trạng gặp khó khăn trong việc tuyển dụng và duy trì lao động, đặc biệt là lao động thời vụ hoặc ngắn hạn, và một lý do được DN nêu ra liên quan tới quy định bắt buộc phải tham gia BHXH với mức đóng BHXH cao, trong khi lợi ích chưa tương xứng, làm giảm sự mặn mà của người lao động đối với việc tham gia hệ thống BHXH, làm việc tuyển dụng trở nên khó khăn hơn.

Hộp 8. Khó khăn trong tuyển dụng và giữ chân lao động do quy định BHXH

- (1) DN lĩnh vực thông tin, truyền thông, CNTT tại Hà Nội: BHXH yêu cầu DN phải đóng tiền BHXH trước, trong khi DN chưa trả lương hoặc còn khó khăn về dòng tiền.
- (2) Hộ kinh doanh tại Long An: Lao động không chịu đóng bảo hiểm nên khó tuyển dụng.
- (3) DN lĩnh vực thông tin, truyền thông, CNTT tại Cần Thơ: Không có chính sách hỗ trợ DN đóng chậm bảo hiểm khi đang khó khăn nên phải cắt giảm lao động.
- (4) DN lĩnh vực xây dựng tại Hà Nội: Do ngày công tăng, yêu cầu đối với người lao động cũng ngày càng cao, trong khi việc thì ít, nhân công có tay nghề ngày càng giảm. Một thách thức đối với DN!
- (5) DN lĩnh vực xây dựng tại TP HCM: Trong bối cảnh khó khăn, nhà nước phải giảm thuế GTGT, giãn hoãn thời gian nộp thuế cho DN mà BHXH thì ngược lại.
- (6) DN lĩnh vực hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tại Hà Nội: BHXH thanh toán phức tạp, tốn thời gian và số tiền hưởng ít khiến người lao động không tha thiết đóng BHXH và muốn nhận mức lương không trừ BHXH. Trong khi đó, chi phí của DN cho lao động và BHXH tăng. DN gặp thời kì khó khăn càng ưu tiên cắt giảm lao động.

2.4. Vấn đề liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin và dữ liệu

Trong nhiều năm qua, BHXH Việt Nam luôn được ghi nhận là một đơn vị tích cực chuyển đổi số và xây dựng hệ thống CNTT phục vụ mục tiêu phát triển chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số tại Việt Nam. Qua báo cáo đánh giá thường kì của Ủy ban chuyển đổi số quốc gia và của chính ngành bảo hiểm, hệ thống hạ tầng CNTT của BHXH Việt Nam hoạt động tương đối ổn định, phục vụ tốt các nhiệm vụ của Ngành và hỗ trợ được các Bộ, Ngành khác như Bộ Y tế, Bộ Giao thông vận tải,... trong quá trình chuyển đổi số của toàn xã hội. Tuy nhiên, với yêu cầu ngày càng cao về phần cứng và phần mềm, hệ thống hạ tầng CNTT của BHXH Việt Nam được đầu tư xây dựng qua nhiều năm nên vận hành cũng còn một số hạn chế nhất định.

Tại kỳ khảo sát, ý kiến DN cũng phản ánh rằng hệ thống BHXH còn hiện tượng báo sai sót về thông tin đã đóng hoặc không cập nhật đầy đủ, buộc họ phải thực hiện đối chiếu và xử lý thủ công.

Ngoài ra, tình trạng các phần mềm nghiệp vụ bị ngưng hoạt động hoặc hoạt động không ổn định trong các khoảng thời gian dữ liệu nhập xuất lớn vẫn còn xảy ra, làm ảnh hưởng đến việc truy xuất dữ liệu đối chiếu giữa DN và cơ quan BHXH.

Hộp 9. Hạn chế của hệ thống CNTT trong quản lý BHXH

- (1) DN lĩnh vực thông tin, truyền thông, CNTT tại Hà Nội: Thông tin không đầy đủ trên hệ thống cho người lao động.
- (2) DN lĩnh vực xây dựng tại TP HCM: Việc chuyển đổi số và sử dụng ứng dụng BHXH tiết kiệm khá nhiều thời gian cho chúng tôi.
- (3) DN lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại TP HCM: Dữ liệu từ BHXH sai nhiều hơn các năm trước. Đóng rồi vẫn báo chưa đóng. Đóng đủ lại báo thiếu. VSSID hiện đủ nhưng phòng BHXH vẫn báo thiếu.
- (4) DN thương mại tại Hà Nội: Các hệ thống BHXH chỉ tự động một phần, DN mất nhiều công sức để đối chiếu, báo cáo, xin xử cơ quan BHXH.
- (5) DN lĩnh vực thông tin, truyền thông, CNTT tại Hà Nội: Chưa khai thác được tính liên thông các dữ liệu quốc gia về dân cư với BHXH. Khi làm việc với cơ quan BHXH vẫn cần khai một đồng giấy tờ, mang theo bản cứng...
- (6) DN lĩnh vực y tế và hoạt động trợ giúp xã hội tại TP HCM: Đóng, nhận BHXH bị yêu cầu mở tài khoản ở ngân hàng khác ngân hàng đang dùng. Thủ tục phải chuyển qua thư tín thay vì email, rồi nộp trực tiếp.
- (7) DN lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại Hà Tĩnh: Định danh hồ sơ lao động phức tạp.
- (8) DN lĩnh vực xây dựng tại Đà Nẵng: Khi làm thủ tục nhận BHXH, yêu cầu làm trực tuyến rồi cũng phải đi tới trực tiếp. Trực tuyến thì chậm chạp, người lớn tuổi không sử dụng được.
- (9) DN lĩnh vực đầu tư và công nghiệp thực phẩm/ăn uống tại Hà Nội: Có nguy cơ gây mất thông tin cá nhân trong quá trình thực hiện.
- (10) DN lĩnh vực vận tải, kho bãi tại Bà Rịa - Vũng Tàu: Việc chốt sổ cho người lao động vẫn phải nộp sổ BHXH, trong khi đó thông tin đã có trên VSSID.
- (11) DN lĩnh vực thông tin, truyền thông, CNTT tại TP HCM: BHXH còn nhiều bất cập, ví dụ bị trùng sổ. Bên nào cũng muốn đẩy trách nhiệm, không ai giải quyết.

3. Trong thực hiện nhóm TTHC liên quan đến hoạt động xuất, nhập khẩu

3.1. Quy định còn bất cập, chồng chéo và chưa nhất quán

DN xuất, nhập khẩu phản ánh rằng quy định về khai báo hải quan, áp mã HS code và cấp giấy phép còn nhiều bất cập và không nhất quán giữa các cơ quan (XNK). Các thay đổi đột ngột về mã HS khiến DN phải đối mặt với tình trạng truy thu thuế sau vài năm, trong khi các thủ tục nhập khẩu không rõ ràng, tạo điều kiện cho sự nhũng nhiễu.

Hộp 10. Sự bất cập và thiếu đồng nhất trong quy định về hải quan

- (1) DN lĩnh vực y tế và hoạt động trợ giúp xã hội tại TP HCM: Hải quan và các cơ quan quản lý mặt hàng còn chưa thống nhất mã áp thuế.
- (2) DN FDI lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại TP HCM: Đang còn nhiều vấn đề liên quan đến xuất nhập khẩu tại chỗ. Một là ngưng hẳn loại hình này, hai là tạo điều kiện chính sách như xuất khẩu bình thường.
- (3) Hộ kinh doanh tại TP HCM: Nhiều quy định mới chồng chéo, nhất là xuất khẩu hóa chất.
- (4) DN lĩnh vực công nghệ thông tin tại TP HCM: Giấy phép nhập khẩu thiết bị mật mã dân sự của DN luôn bị giữ bản chính tại cơ quan hải quan nhập khẩu mở tờ khai đầu tiên và được cấp bản trừ lùi. Trong thời gian giấy phép còn hạn, nhập khẩu tại một cơ quan hải quan khác không chấp nhận bản trừ lùi, yêu cầu bổ sung giấy xác nhận bản chính có dấu mộc xanh của cơ quan hải quan đầu tiên. Thủ tục nghe rất đơn giản nhưng cơ quan hải quan nào hỗ trợ cấp lại chứng từ trên. Dù cơ quan hải quan thứ hai vẫn biết là DN còn hạn giấy phép nhưng không thể thông quan cho DN. Lý do đưa ra là không trong nội bộ hệ thống hải quan của nhau nên không xem được tờ khai hải quan đầu tiên trên hệ thống, giữa hệ thống của Hà Nội và TP HCM.
- (5) DN FDI lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại Hà Giang: Công ty tôi xuất trình đủ mọi giấy tờ cũng không thể gửi mẫu hàng hóa tới khách hàng nước ngoài. Đành phải dùng dịch vụ phi chính thức để gửi hàng mẫu ra nước ngoài.
- (6) DN thương mại, dịch vụ năng lượng, công nghiệp tại TP HCM: Thiết bị đi sửa chữa, bảo hành ở nước ngoài khó khăn.
- (7) DN tại TP HCM: Tờ khai xuất nhập khẩu tại chỗ được nhìn nhận mỗi thời điểm mỗi khác, dẫn đến DN đúng năm 2022 nhưng sai năm 2023 nên bị truy thu thuế xuất khẩu.
- (8) DN lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại Đồng Nai: Thông tin khai hải quan cho khách hàng không có trụ sở chính tại Việt Nam không rõ ràng. Cụ thể là tập đoàn TTI, có Chi cục đồng ý cho khai hải quan xuất khẩu, có Chi cục không cho. Sản phẩm khai hải quan là các sản phẩm đóng gói được làm từ giấy tái chế cũng thường xuyên bị cho vào luồng vàng để kiểm tra.
- (9) DN FDI lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại Bình Dương: Mã HS hàng nhập khẩu không rõ ràng, hải quan áp mã cho DN xong sau đó vài năm lại xác định mã áp không đúng, yêu cầu truy thu thuế.
- (10) DN lĩnh vực xây dựng tại Quảng Ninh: Các quy định chủ yếu tạo thuận lợi, an toàn cho cơ quan quản lý nhà nước về xuất nhập khẩu thay vì nâng cao lợi ích và tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức xuất nhập khẩu.
- (11) DN lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại TP HCM: Lĩnh vực liên quan đến xuất nhập khẩu cũng nên tiếp tục đơn giản hóa. Đối tượng nào có rủi ro cao, cần tăng cường kiểm soát thì tập trung kiểm soát và quản lý. Ngược lại, đối tượng nào đã và đang làm tốt, cũng đã được kiểm tra ngẫu nhiên rồi thì nên thông thoáng để tập trung nguồn lực vào trọng điểm cần quản lý.

3.2. Chi phí logistics còn cao và các chi phí phát sinh khác

Chi phí liên quan đến logistics và kiểm tra hàng hóa cũng là một gánh nặng lớn đối với DN xuất nhập khẩu. Các khoản phí như lưu kho, bến bãi, kiểm dịch, cùng với việc kiểm tra hàng hóa nhiều lần đã đẩy chi phí vận hành lên cao. Theo Hiệp hội doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam, chi phí logistics tại Việt Nam vẫn ở mức cao, chiếm khoảng 16,8% GDP năm 2023, cao hơn so với mức trung bình 10-11% của các nước phát triển.³ Trong khi đó, logistics chiếm 30 - 40% chi phí sản xuất - kinh doanh, do đó, chi phí logistics cao không chỉ làm giảm lợi nhuận của DN mà còn làm suy giảm khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Ngoài chi phí logistics, DN phải đối mặt với các chi phí phát sinh khác, phần lớn xuất phát từ quy trình TTHC và cơ chế quản lý. Ví dụ, DN phải chịu các khoản phạt nặng do lỗi không xuất phát từ họ; hay việc tăng tỷ lệ kiểm tra luồng đỏ, yêu cầu bổ sung giám sát sản xuất, và kiểm hóa nhiều lần cũng làm gia tăng đáng kể chi phí cho DN. Những vấn đề này không chỉ làm tăng chi phí trực tiếp mà còn gây ra chi phí cơ hội do chậm trễ thời gian giao hàng.

Hộp 11. Các chi phí phát sinh trong hoạt động xuất nhập khẩu

- (1) DN gia công may mặc, xuất nhập khẩu tại TP HCM: DN nhập hàng đã yêu cầu nhà cung cấp dán nhãn nhưng khi hàng về thì thiếu thông tin trên nhãn mác và DN bị phạt 40 triệu đồng. Không phải lỗi của DN, hàng hóa vẫn chưa lưu thông ra thị trường mà bị phạt quá cao.
- (2) DN sản xuất may mặc xuất khẩu tại Hải Dương: Đơn vị may mặc xuất khẩu phải có cái gọi là đánh giá cơ sở sản xuất của Hải quan. Không hiểu để làm gì, trong khi Hải quan không phải là khách hàng. Thủ tục này gây rất nhiều cản trở, hầu hết phải bồi trơn mới được.
- (3) DN lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tại Bà Rịa - Vũng Tàu: Có hiện tượng làm luật với DN, nhất là khâu thẩm định giá.
- (4) DN tại TP HCM: Thuốc tốt muốn nhập phải lót tay nên tới tay bệnh nhân giá đã quá cao. Không lót tay thì thủ tục chờ mãi không phê duyệt.
- (5) DN sản xuất, xuất khẩu tại Bình Dương: Nhóm thủ tục xuất khẩu gặp rất nhiều khó khăn, tốn kém. Năm ngoái làm bộ chứng từ xuất khẩu khoảng 250 USD/bộ nhưng năm nay đầu Hải Phòng phải 400 USD/bộ. Có mỗi khâu kiểm dịch mà chỉ tiền taxi DN đã trả gần 100 USD/chuyến hàng.
- (6) DN lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tại Thái Bình: Thủ tục công nhận cơ sở sản xuất, gia công xuất khẩu cần minh bạch hơn, dễ dàng hơn vì thường bị cán bộ hải quan gây khó DN.
- (7) DN lĩnh vực dệt may tại Nam Định: DN ngành sợi khi nhập bông phục vụ sản xuất bị thông quan rất chậm do hải quan phải kiểm tra thật kỹ tình trạng khai báo. Việc này vô hình đã ảnh hưởng rất lớn đến các DN làm ăn chân chính, nghiêm túc gây lãng phí và phát sinh các vấn đề nghiêm trọng trong sản xuất.
- (8) DN sản xuất các giải pháp phục vụ cho công trình xây dựng tại Tiền Giang: Liên quan đến thủ tục cấp xuất xứ hàng hóa (C/O), DN tại các địa phương không có văn phòng VCCI gặp phải nhiều khó khăn, rất mất thời gian.

³ Tham khảo nội dung Trang 93, Báo cáo Logistics Việt Nam năm 2024, Nhà xuất bản công thương

(9) DN lĩnh vực bán buôn và bán lẻ tại Hà Nội: Năm nay tỷ lệ hàng kiểm tra luồng đỏ của chúng tôi cao hơn dù có lịch sử tốt, không nợ thuế. Có tình trạng hàng đã ở luồng đỏ, kiểm hóa 100% rồi hôm sau lại phát sinh soi chiếu container làm phát sinh chi phí cho DN và chậm trễ hàng.

(10) DN lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tại TP HCM: Khi nhập hàng từ nước ngoài, lô hàng không đạt yêu cầu, DN gặp rất nhiều khó khăn và tốn kém chi phí để có thể tái xuất.

(11) DN kinh doanh hóa chất, thiết bị tại TP HCM: Hiện tại, DN nộp tờ khai nhập khẩu tốn nhiều thời gian hơn trước, theo đó bị tính phí lưu kho nhiều hơn. Hàng hóa nguy hiểm (DG) không được cập cảng Cát Lái, DN phải xoay hướng tìm cách xử lý, tốn nhiều chi phí.

(12) DN lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại Hà Nội: DN bị phạt vì chậm nộp báo cáo tình hình sử dụng máy móc nhập khẩu miễn thuế. Không thấy ai nhắc việc phải nộp loại báo cáo này bao giờ.

(13) DN lĩnh vực bán buôn và bán lẻ tại TP HCM: Hàng mẫu nhận về thường bị gây khó dễ và chậm thời gian giao mẫu.

3.3. Rào cản kỹ thuật và kiểm định chất lượng

DN cũng gặp phải nhiều rào cản kỹ thuật trong quá trình xuất nhập khẩu, đặc biệt đối với các sản phẩm bảo vệ môi trường và vật tư y tế (XNK). Quy trình kiểm tra kỹ thuật đầu vào thường bị chậm trễ và thiếu hỗ trợ kỹ thuật, dẫn đến việc kéo dài thời gian và chi phí xử lý.

Ngoài ra, các DN xuất khẩu sản phẩm xanh và thân thiện với môi trường cũng gặp khó khăn khi phải đối mặt với yêu cầu kiểm định nghiêm ngặt, trong khi chưa có sự hỗ trợ kỹ thuật cần thiết từ phía cơ quan quản lý.

Hộp 12. Rào cản kỹ thuật và yêu cầu kiểm định đối với hàng hóa xuất nhập khẩu

(1) DN lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tại TP HCM: Năng lực kỹ thuật kiểm tra chất lượng đầu vào hàng nhập khẩu hạn chế, tạo ra quá nhiều rào cản kỹ thuật mà không cân nhắc được kết quả trì trệ mà các rào cản này mang lại, nhất là các sản phẩm xanh, bảo vệ môi trường.

(2) DN lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tại TP HCM: Mặc dù cơ quan hải quan hiện tại rất dễ dàng với DN xuất khẩu nhưng còn nhiều khó khăn. Đặc biệt như kiểm dịch thực vật Vùng 2 TP HCM có những nhiễu. Bộ Công thương cũng khó khi truy xuất nguồn gốc đến tận hộ nông dân.

(3) DN lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại TP HCM: Để thúc đẩy xuất khẩu thì sản phẩm của Việt Nam phải có C/O. Như bây giờ xuất khẩu một bồn thép sang Campuchia, phải xin C/O form D, nhưng do thép nguyên liệu là của Hàn Quốc và chiếm 70% giá trị sản phẩm thì không thể cấp C/O của Việt Nam, nên nhà nhập khẩu phải chịu thuế nhập khẩu. Như vậy giá bồn thép của Việt Nam cao hơn cùng loại của Trung Quốc hơn 20%.

3.4. Hệ thống công nghệ thông tin kém ổn định

Cuối cùng, một trong những vấn đề mà DN phản ánh là về hệ thống CNTT phục vụ hoạt động xuất nhập khẩu. Hệ thống khai báo hải quan VNACCS thường bị phàn nàn là lỗi thời và không ổn định, gây ảnh hưởng tới quá trình thông quan. Điều này khiến DN phải thực hiện lại thủ tục nhiều lần, gây lãng phí thời gian và tăng thêm chi phí.

Bộ Tài chính (2023) đã thừa nhận rằng hệ thống VNACCS cần được nâng cấp khẩn cấp để đáp ứng yêu cầu thông quan hiện đại, nhưng quá trình này vẫn chưa được triển khai một cách hiệu quả.

Hộp 13. Hệ thống công nghệ thông tin trong khai báo hải quan

(1) DN lĩnh vực chế biến, chế tạo tại Hà Nội: Phần mềm VNACCS quá lạc hậu, tốc độ xử lý chậm.

(2) DN lĩnh vực bán buôn và bán lẻ tại TP HCM: Trình tự thủ tục thay đổi bất ngờ. Hệ thống hải quan tự động còn bị lỗi.

4. Trong thực hiện nhóm TTHC liên quan đến lĩnh vực đất đai, môi trường, xây dựng

4.1. TTHC phức tạp, thiếu đồng bộ giữa các cơ quan

Nhiều DN phản ánh rằng quy trình TTHC trong lĩnh vực đất đai và xây dựng không đồng bộ giữa các cơ quan quản lý. DN phải làm việc với nhiều cơ quan, bao gồm Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, và Bộ Công an (về PCCC), mỗi cơ quan có quy trình xử lý riêng, dẫn đến sự chông chéo và kéo dài thời gian xử lý hồ sơ.

Cụ thể, theo sơ đồ thực hiện dự án mà một DN lĩnh vực xây dựng tại Đà Nẵng cung cấp (thời điểm tháng 6 năm 2024), quy trình nhóm TTHC trong lĩnh vực đất đai,

môi trường và xây dựng kéo dài 28 tuần (khoảng 196 ngày). Đây là một khoảng thời gian rất dài, đặc biệt với các dự án cần triển khai nhanh để đảm bảo hiệu quả đầu tư. Các giai đoạn chính bao gồm: Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) (cần khoảng 10-12 tuần để hoàn tất; Thẩm định quy hoạch và thiết kế xây dựng (từ 8-10 tuần); Cấp giấy phép xây dựng (kéo dài 6-8 tuần).

Với quy trình tổng cộng gần 7 tháng, DN phải dành nhiều nguồn lực để theo dõi, điều chỉnh và bổ sung các yêu cầu hồ sơ trong từng giai đoạn. Các báo cáo như ĐTM hoặc quy hoạch thiết kế cần đáp ứng tiêu chuẩn chuyên môn cao, buộc nhiều DN phải thuê các đơn vị tư vấn bên ngoài, làm gia tăng chi phí. Ngoài ra, sự phối hợp không đồng bộ giữa các cơ quan quản lý (môi trường, quy hoạch, xây dựng) thường dẫn đến tình trạng xử lý chông chéo hoặc yêu cầu bổ sung không nhất quán.

Hộp 14. Thiếu đồng bộ và chông chéo trong quy trình thủ tục hành chính

(1) DN tại Tây Ninh: Thủ tục đất đai phức tạp và không quy định rõ ràng, hồ sơ muốn duyệt hay trả lại rất mơ hồ.

(2) DN FDI kinh doanh bất động sản tại Hải Phòng: Thủ tục về thẩm định một số dự án đầu tư xây dựng, ví dụ dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, chuyển từ các cơ quan chuyên môn của tỉnh về cơ quan chuyên môn của Bộ Xây dựng gây mất thời gian đi lại, làm việc của DN, trong khi Bộ Xây dựng quá tải, làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư xây dựng của DN.

(3) DN xây dựng tại Hà Nội: Khó khăn từ khâu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư, khó khăn trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng, giao đất.

(4) DN kinh doanh bất động sản tại Hà Nội: Khi nộp hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội, theo pháp luật đầu tư thì phải đánh giá dự án có phù hợp với kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp quận, huyện không. Nhưng trước đó, khi liên hệ với quận để đăng ký vào kế hoạch sử dụng đất thì quận lại yêu cầu dự án phải được chấp thuận chủ trương đầu tư trước. Như vậy là xảy ra tình trạng con gà quả trứng, không biết cơ quan nào giải quyết.

(5) DN lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại TP HCM: Gia hạn giấy phép hoạt động trường học ở Quận 2 mà vướng quy định đất thuê, mật độ giao thông cao vào giờ cao điểm nên hồ sơ cứ bị đẩy qua đẩy lại giữa các cơ quan có thẩm quyền (Sở Kế hoạch và Đầu tư và UBND phường...).

(6) DN xây dựng tại Bắc Ninh: Đề nghị Nhà nước nên bãi bỏ quy định về quy hoạch 1/500 đối với các dự án nằm trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp mà đã có quy hoạch 1/2000; Đề nghị cần đẩy nhanh thủ tục thẩm duyệt PCCC, môi trường. Nên tách phần chống cháy, ngăn cháy sang Bộ Xây dựng phê duyệt. Hạng mục PCCC nên chuyển giao trách nhiệm cho các đơn vị tư vấn có đủ chức năng, Nhà nước chỉ quản lý về chấp hành các quy định pháp luật. Các đơn vị tư vấn và chủ đầu tư phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về sản phẩm của mình làm ra. Hiện nay cháy nổ gây chết người chủ yếu xảy ra tại các nhà riêng, cơ sở sản xuất tạm bợ trong đô thị. Các nhà xưởng cháy trong các khu công nghiệp thường không gây chết người mà chủ yếu thiệt hại tài sản. Nhà nước nên hướng biện pháp phòng ngừa cháy nổ cho chủ đầu tư (các nhà xưởng trong khu công nghiệp) lựa chọn giải pháp PCCC sao cho phù hợp để giảm chi phí đầu tư, miễn sao đảm bảo an toàn cho người thoát nạn, còn vấn đề về thiệt hại tài sản do chủ đầu tư quyết định (đầu tư PCCC cho tài sản hay không). Hiện nay chi phí đầu tư hệ thống PCCC chiếm tới 30% chi phí xây dựng cơ bản của dự án.

- (7) DN kinh doanh bất động sản tại Bình Dương: Thủ tục về xây dựng mới áp dụng thêm thủ tục thẩm định quy hoạch 1/500 rút gọn cho các dự án nhỏ dưới 5 ha trước khi xin cấp phép xây dựng. Đây là một thủ tục rất không cần thiết và hiện đang là nỗi ám ảnh của tất cả các DN khi triển khai xây dựng, sửa chữa nâng cấp nhà xưởng.
- (8) DN lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại Hà Nội: Để đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất, DN bị bắt buộc phải qua rất nhiều khâu sở ban ngành giám sát phê duyệt vì vậy rất mất thời gian và cơ hội đưa sản phẩm ra thị trường.
- (9) DN FDI sản xuất công nghiệp nhẹ tại TP HCM: Năm 2023, về thủ tục xin giấy phép xây dựng của công trình cấp 1, DN phải xin 1 giấy phép ở Bộ Xây dựng, 2 giấy phép PCCC tại Bộ Công an, đầy đủ các giấy tờ trên phải về địa phương xin giấy phép xây dựng tại Ban quản lý các khu công nghiệp. Thời gian thẩm duyệt hồ sơ tại các đơn vị lâu, hồ sơ xin cấp phép trả lời không nêu rõ lý do cụ thể, trả đi trả lại nhiều lần với lý do rất mơ hồ. Một công trình lớn cần xây dựng sớm để đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo công ăn việc làm cho hàng ngàn lao động thời vụ thi công công trình lúc kinh tế khó khăn thiếu việc làm, nhưng thủ tục hành chính kéo dài gần 1 năm còn chưa xong, DN chịu sức ép về lãi vay rất lớn.
- (10) DN lĩnh vực vận tải, kho bãi tại Hà Nội: Có nhiều tồn tại trong việc quy định mục đích sử dụng đất khi thực hiện cho thuê đất từ nhiều năm trước chưa cập nhật hoặc chưa đầy đủ với chức năng ngành nghề kinh doanh của DN, tuy nhiên đến nay cơ quan quản lý nhà nước chỉ căn cứ vào các nội dung trên sổ đỏ hoặc quyết định cho thuê đất để ràng buộc làm khó cho DN. Ví dụ một DN kinh doanh các dịch vụ vận tải nhưng chức năng sử dụng đất từ nhiều năm trước chỉ văn phòng và bãi đỗ thì không thể tập kết hàng hóa kho hàng được do sai mục đích sử dụng. Việc xin bổ sung công năng, chức năng sử dụng đất thì không khả thi do phải đi qua rất nhiều "cửa" hoặc do chức năng sử dụng đất theo "quy hoạch sử dụng đất mới nhất" không phù hợp nhưng không rõ quy hoạch từ lúc nào và bao lâu thì thực hiện.
- (11) Hộ kinh doanh tại Hà Nội: Cấp sổ đỏ hay làm thủ tục đăng ký biến động tuy thực hiện liên thông nhưng không khác gì phân công đầu vào còn đầu ra người dân tự phải đi thực hiện. Đi lấy thông báo thuế, đi đóng thế vào điểm thu ngân sách của ngân hàng rồi về lấy kết quả... Nói chung phải đồng bộ liên thông một đầu mối, người dân nhận kết quả và thực hiện thanh toán online... Tất cả quá trình chỉ thông qua một cửa nộp và nhận kết quả, đặc biệt đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến, rõ chức năng nhiệm vụ của các bộ phận, tăng cường kiểm soát, kiểm tra.
- (12) DN lĩnh vực dịch vụ lưu trú và ăn uống, du lịch tại Kon Tum: Thế chấp đất trong ngân hàng, muốn chuyển đổi khoản vay vì thiếu chứng từ thì phải đi qua Sở Tài nguyên và Môi trường, phòng công chứng, hành chính công rất phức tạp và tốn kém các khoản phí bồi trơn.
- (13) DN kinh doanh bất động sản tại TP HCM: Làm hồ sơ đất đai lòng vòng, mất quá nhiều thời gian, đi lại nhiều lần ở huyện Củ Chi, TP HCM.
- (14) DN lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại Tuyên Quang: Quá nhiều ngành không liên quan hoặc ít liên quan tham gia cho ý kiến về đề nghị mở rộng hoặc đầu tư dự án của DN, gây mất thời gian, tạo cơ chế xin cho, bồi trơn.

4.2. Tình trạng trì trệ, chậm xử lý hồ sơ và phê duyệt

Thời gian xử lý hồ sơ kéo dài là một trong những rào cản lớn nhất đối với DN trong các dự án đầu tư xây dựng và đất đai. Nhiều DN phải chờ đợi hàng tháng, thậm chí cả năm mới nhận được phê duyệt cho các dự án lớn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ triển khai.

Báo cáo của các bộ, ngành, địa phương về tình hình thực hiện các dự án đầu tư công năm 2023 đều cho thấy vướng mắc khiến các dự án đầu tư lớn tại Việt Nam bị chậm tiến độ chủ yếu là ở khâu phê duyệt đất đai và giải phóng mặt bằng. Đây cũng là vướng mắc chung đối với các dự án có sử dụng đất. Nguyên nhân chính là do tâm lý sợ trách nhiệm của cán bộ quản lý, lo ngại việc ký duyệt sẽ dẫn đến trách nhiệm pháp lý nếu có sai sót. Điều này khiến nhiều hồ sơ bị đình trệ, đẩy DN vào tình trạng phải trả thêm chi phí lãi vay và mất cơ hội kinh doanh. Tình trạng này qua phản ánh của các DN trong khảo sát diện rộng năm nay vẫn có sự tiếp diễn.

Hộp 15. Sự trì trệ và sợ trách nhiệm trong việc phê duyệt dự án

- (1) DN lĩnh vực xây dựng tại TP HCM: Gần đây các Sở Tài nguyên và Môi trường không giám ký hồ sơ vì sợ sai.
- (2) DN lĩnh vực tư vấn tại TP HCM: Thủ tục liên quan đến xây dựng, hoàn công, PCC ở TP HCM rất trì trệ, phải chi ngoài cho các đơn vị sân sau nhưng tiến độ vẫn dậm chân.
- (3) DN xây dựng tại Hà Nội: Chỉ đạo bên trên thì có vẻ ổn nhưng những nhiễu và gây khó khăn của các cán bộ chuyên viên bên dưới khi giải quyết các thủ tục còn nhiều, né tránh và sợ trách nhiệm.
- (4) DN lĩnh vực dịch vụ lưu trú và ăn uống, du lịch tại TP HCM: Cấp giấy tờ đất đóng băng hơn 8 năm vì Hội đồng thẩm định giá không dám duyệt giá.
- (5) DN lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tại Hòa Bình: Tại huyện Kim Bôi, đăng ký cấp giấy chứng nhận sử dụng đất thì 100% bị chậm trễ không lý do (cán bộ không thông báo) từ 1-3 năm. Có hộ chờ đợi gần 3 năm chưa được cấp giấy do lãnh đạo sợ sai, không dám ký quyết định.

4.3. Rào cản kỹ thuật và chi phí tuân thủ các quy định về môi trường, xây dựng

Các quy định kỹ thuật về môi trường và PCCC (PCCC) cũng là một rào cản lớn đối với DN, đặc biệt là các DN vừa và nhỏ. Nhiều DN phản ánh rằng chi phí để tuân thủ các quy định này là rất lớn, chiếm tới 30% tổng chi phí xây dựng cơ bản.

Tại buổi làm việc của Thủ tướng với các nhà đầu tư tại Hà Nội tháng 4 năm 2023⁴ cũng ghi nhận nhiều ý kiến của các nhà đầu tư nước ngoài cho rằng các quy định về môi trường và an toàn cháy nổ tại Việt Nam đang làm tăng chi phí sản xuất và kéo dài thời gian hoàn thành dự án. Các quy trình thẩm định môi trường và PCCC thường kéo dài, gây ra sự khó khăn cho DN để đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật liên tục thay đổi. Những năm gần đây, các quy trình thủ tục này có nhiều chỉ đạo cải thiện nhưng khảo sát nhanh vừa qua cho thấy, DN vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức trong thực tế.

⁴ Link nguồn: <https://vir.com.vn/fire-safety-regulation-frustration-lingers-for-fies-101607.html>

Hộp 16. Chi phí cao và khó khăn trong tuân thủ quy định về môi trường và PCCC

- (1) DN lĩnh vực in ấn tại TP HCM: DN in ấn phải có giấy phép môi trường. Muốn có giấy phép môi trường phải chuyển quyền sử dụng đất đang thuê thành đất sản xuất. Chủ đất không đồng ý vì đất sản xuất không có giá bằng đất thổ cư. DN phải lót tay khi bị kiểm tra.
- (2) DN lĩnh vực dịch vụ lưu trú và ăn uống, đại lý du lịch tại Bình Thuận: UBND Tỉnh ai cũng sợ sai, không dám ký cấp phép, chăm chăm tìm mọi cách trả hồ sơ cấp phép do các sở ngành trình lên.
- (3) DN lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản tại Thái Bình: Các điều kiện về môi trường cần thực tế, phù hợp với điều kiện, khả năng hiện nay của DN và trình độ của Việt Nam.
- (4) DN lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại Hà Nội: Các quy định về môi trường siết chặt, nâng cao như các nước phát triển. Chúng tôi không đủ nguồn lực để thực hiện ngay lập tức nên luôn trong tình trạng chưa đạt chuẩn, tạo cơ hội tham nhũng vặt, thậm chí là nạn nhân bị báo chí tống tiền.
- (5) DN lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại TP HCM: Quy định về hậu kiểm hoặc xử lý sai phạm môi trường nên theo hướng cho khắc phục. Ví dụ sản xuất ở khu vực không quy hoạch công nghiệp nhưng tạm thời chưa vi phạm xả thải thì nên hướng dẫn theo lộ trình để DN tuân thủ.
- (6) DN FDI lĩnh vực xây dựng tại TP HCM: Các yêu cầu khi nộp giấy phép môi trường không rõ ràng. Tuy đã được cơ quan sở tại tham vấn cấp trình nộp và hồ sơ cũng đã được kiểm duyệt qua nhiều bước nhưng cuối cùng được kết luận là sai cấp nộp. DN thiệt hại về thời gian cũng như chi phí nhưng không được bất cứ lời xin lỗi/đền bù thiệt hại nào. Quy trình xét duyệt hồ sơ PCCC cũng thay đổi liên tục, làm quy trình xin phép kéo dài.
- (7) DN lĩnh vực in ấn, bao bì giấy tại TP HCM: Xưởng nằm trong quy hoạch đã hơn 10 năm, muốn thay đổi theo đúng quy định PCCC thì không thay đổi được.
- (8) DN lĩnh vực xây dựng tại TP HCM: Giấy phép xây dựng hiện khó hơn, ví dụ xin hầm không được thì sao có chỗ để xe. Có khu vực DN nhiều năm không làm được cập nhật tài sản trên đất vì cơ quan thực thi không dám quyết giá đất.
- (9) DN lĩnh vực chế biến chế tạo tại TP HCM: Hiện tại, Luật Bảo vệ môi trường yêu cầu tất cả DN phải xin giấy phép môi trường mới. Liệu nguồn lực của cơ quan nhà nước có đáp ứng nổi với số lượng DN? Tại sao lại không chia lộ trình thực hiện dần và nếu có bắt buộc thì hãy bắt buộc những đơn vị mới lần đầu làm giấy phép môi trường hoặc những đơn vị có rủi ro cao về môi trường mà lại cào bằng và bắt tất cả DN đều phải đổi sang giấy phép mới? Những định về môi trường, đất đai, xây dựng cũng nên tập trung vào hướng giúp DN tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh, tăng giá trị gia tăng, tăng lợi nhuận từ đó tăng nguồn thu cho nhà nước, thay vì tìm cách kiểm tra, kiểm soát, tìm cách tăng thu, tăng phạt để quản. Hãy làm ngược lại, hướng dẫn DN từng bước và có lộ trình về việc sử dụng, quản lý đất đai, môi trường, xây dựng một cách an toàn, hiệu quả, vững bền và lãnh đạo, dẫn dắt cơ chế đào tạo này, đơn giản hóa để DN tự thực hiện được mà không cần tư vấn, và dần dần từng bước nâng năng lực quản lý, sử dụng đất đai, quản lý môi trường, xây dựng của DN ngày càng an toàn, hiệu quả và vững bền. Đất đai, môi trường và xây dựng chính là tài sản hữu hình chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tài sản của DN. DN nào cũng muốn 3 phương diện này ngày càng tốt hơn để duy trì và gia tăng tài sản một cách vững bền, nếu họ biết cách thực hiện.

4.4. Khó khăn trong tiếp cận đất đai và quy hoạch do không minh bạch

Khó khăn trong tiếp cận đất đai là một vấn đề nghiêm trọng, đặc biệt đối với các DN cần mở rộng quy mô sản xuất. Nhiều khu vực đất đai bị quy hoạch "treo" trong thời gian dài hoặc không được cập nhật kịp thời, khiến DN không thể tiếp cận và sử dụng

Qua khảo sát thực tế tại các địa phương, Đoàn giám sát chuyên đề của Quốc hội về “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý thị trường bất động sản và phát triển nhà ở xã hội từ năm 2015 đến hết năm 2023”⁵ đánh giá về việc công khai, minh bạch thông tin về các loại quy hoạch còn sơ sài. Nhiều địa phương chưa thực hiện tốt việc công khai thông tin về quy hoạch trên mạng internet, cụ thể như: chưa đăng tải đầy đủ bản đồ, thuyết minh quy hoạch; chưa đăng tải đầy đủ những nội dung điều chỉnh quy hoạch; file đồ án quy hoạch có độ phân giải thấp, khó xem xét; việc lấy ý kiến của cộng đồng dân cư về nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chưa có hướng dẫn cụ thể dẫn đến khó đảm bảo hiệu quả.

Ngoài ra, tỷ lệ không nhỏ diện tích đất quy hoạch tại các tỉnh thành lớn như Hà Nội và TP.HCM không được sử dụng hiệu quả, do các vướng mắc về pháp lý và thủ tục phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất không được công khai minh bạch khiến DN phải đối mặt với tình trạng bị từ chối hoặc không thể xin phép sử dụng đất để thực hiện các dự án.

Hộp 17. Khó khăn trong tiếp cận đất đai

- (1) DN lĩnh vực xây dựng tại Hà Nội: Cần thiết hỗ trợ DN vừa và nhỏ trong thuê, mua nhà xưởng, cơ sở mặt bằng kinh doanh.
- (2) DN tại Tây Ninh: Đất đai bị khoanh vùng quy hoạch không rõ ràng, hết thời hiệu quy hoạch không gỡ bỏ quy hoạch lại tái quy hoạch, giữ đất nhiều năm không triển khai dự án, cũng không sử dụng được gì.
- (3) DN lĩnh vực sản xuất và phân phối điện, nước, xử lý ra, nước thải tại Kon Tum: Sự sai lệch do công nghệ đo đạc của những năm trước dẫn đến sai số, một số trường hợp biến thành lần đất rừng vài mét.
- (4) DN tại Nam Định: Thông tin trên sổ đỏ có quá nhiều biến động, dính chính biến động lại bị mất tiền và thời gian.
- (5) DN sản xuất và xuất khẩu tại Bình Dương: DN vừa và nhỏ khó tiếp cận để mở kinh doanh sản xuất.
- (6) DN lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại Hà Nội: DN tôi không có đất sản xuất, phải đi thuê lại từ DN khác. Khi Nhà nước hỗ trợ 30% tiền thuê, họ không giảm tiền thuê, trái lại còn tăng mạnh tiền thuê. Giá thuê lại đất từ họ gấp 10-15 lần giá họ thuê của Nhà nước.
- (7) DN tại Thanh Hóa: Chúng tôi sản xuất thực phẩm quy mô nhỏ. Nhưng hiện nay phải vào khu quy hoạch sản xuất kinh doanh. Những khu như vậy hay các khu công nghiệp giá rất cao, thủ tục môi trường, PCCC rất tốn kém, phức tạp.
- (8) DN lĩnh vực dịch vụ lưu trú và ăn uống, du lịch tại An Giang: Sai phạm liên quan lĩnh vực đất đai hiện còn tồn tại quá nhiều bởi các nhiệm kỳ trước, giờ người dân và DN phải chịu khi có phát sinh liên quan lĩnh vực đất đai.

⁵ Link nguồn: <https://quochoi.vn/tintuc/pages/tin-hoat-dong-giam-sat.aspx?ItemID=88358>

(9) Hộ kinh doanh tại Quảng Nam: Tôi chuyên ngành nuôi thủy sản mà không tiếp cận được đất đai và diện tích mặt nước, rồi cho rằng vướng quy hoạch trong khi đất đai và mặt nước để không bao đời nay. Rồi khó khăn và ách tắc trong cấp quyền sử dụng đất trong khi đất đủ điều kiện thì làm sao người dân dám bỏ hàng tỷ đồng vào để đầu tư trên mảnh đất đi thuê.

(10) DN lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại Đồng Nai: Gia hạn hợp đồng thuê đất khi bị trễ hạn rất phức tạp đối với DN ngoài khu cụm công nghiệp.

(11) DN FDI lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại Trà Vinh: Quy hoạch đất rất mâu thuẫn, chông chéo với nhiều quy hoạch khác làm DN rất khó tiếp cận khi muốn đề xuất dự án đầu tư.

5. Trong thực hiện nhóm TTHC liên quan đến thuế

Trong quá trình triển khai báo cáo, các DN, hiệp hội đã có những phản hồi tích cực và ghi nhận nỗ lực liên tục của cơ quan quản lý thuế trong thời gian qua nhằm hoàn thiện chính sách, nâng cao hiệu quả cung cấp, thực hiện thủ tục hành chính về thuế. Đồng thời, Bộ Tài chính đã chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc truyền thông chính sách, tiếp nhận và xử lý các vấn đề vướng mắc, hỗ trợ DN và người dân nắm bắt và tuân thủ kịp thời các quy định. Tuy nhiên, trong thực tế, việc thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến thuế vẫn còn gặp một số khó khăn, được các DN, hiệp hội phản ánh tại kỳ khảo sát như sau:

5.1. Sự thiếu đồng bộ và phức tạp trong áp dụng quy định thuế

DN phản ánh về sự không đồng nhất trong việc áp dụng quy định thuế giữa các địa phương và chi cục thuế khác nhau. Cùng một quy định nhưng lại được diễn giải và áp dụng khác nhau giữa các chi cục thuế ở các quận, huyện, dẫn đến tình trạng DN bị nhầm lẫn và dễ mắc sai sót trong quá trình kê khai.

Một vấn đề lớn nữa mà DN phản ánh là các quy định về thuế thường xuyên thay đổi, đặc biệt là các quy định liên quan đến thương mại điện tử và thuế GTGT. Nhiều DN cho biết họ không được thông báo hoặc không nhận được cảnh báo trước về những thay đổi trong quy định, dẫn đến tình trạng bị phạt do không tuân thủ kịp thời.

Nguyên nhân chính của tình trạng này được DN cho là xuất phát từ việc thay đổi liên tục của các văn bản pháp luật và thiếu thống nhất giữa các đơn vị thực thi. Điều này khiến DN phải đối mặt với rủi ro bị truy thu thuế hoặc phạt vi phạm.

Hộp 18. Sự thiếu đồng nhất trong áp dụng quy định thuế

(1) DN lĩnh vực bán buôn và bán lẻ tại Hà Nội: Pháp luật thuế làm khó các DN trẻ, rất nhiều DN trẻ không nắm bắt được thủ tục, luôn lo sợ bị truy thu thuế.

(2) DN lĩnh vực bán buôn và bán lẻ tại Lâm Đồng: Với những hộ kinh doanh thuế khoán, có doanh thu rất lớn (hơn 10 tỷ đồng/năm) nhưng không kiểm soát được thuế gây mất công bằng cho DN cùng doanh thu hoặc thấp hơn. Hệ thống thuế thì không kiểm tra được số nợ đọng tại thời điểm kê khai, nộp thuế làm DN không biết mình có nợ thuế. Bỗng dưng sang năm sau xuất hiện một khoản nợ thuế từ trên trời xuống và chủ DN bị cầm xuất cảnh.

- (3) DN lĩnh vực xây dựng tại Hà Nội: Vấn đề tách thuế GTGT trong ngành xây dựng chồng chéo, không rõ ràng, mất nhiều thời gian của DN.
- (4) DN lĩnh vực công nghệ thông tin tại TP HCM: Các thủ tục quyết toán thuế và hoá đơn đang rất khó khăn khi có quá nhiều DN đóng cửa. Các hóa đơn do các DN đó phát hành thì lại bị cơ quan thuế loại bỏ, DN phải đóng thuế thêm trên phần đó gây rất nhiều khó khăn cho DN.
- (5) DN lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại Khánh Hòa: Biên bản giao nhận hàng nên chấp nhận bản sao, vì đối tác ở xa việc gửi bản gốc rất bất tiện.
- (6) DN lĩnh vực xây dựng tại TP HCM: Việc khai báo thuế vẫn khó khăn. Thuế GTGT chưa đồng nhất nhiều loại 8%, 10% làm khó DN.
- (7) DN FDI lĩnh vực vận tải, kho bãi tại Hưng Yên: Văn bản pháp luật thuế, hải quan thay đổi liên tục. Quy định thực hiện không đồng nhất giữa các đơn vị nhà nước khiến việc thực thi pháp luật gặp trục trặc, dễ phát sinh lỗi vi phạm pháp luật.
- (8) DN lĩnh vực công nghệ thông tin tại Hà Nội: Cơ quan thuế còn chưa chấp nhận hóa đơn từ nước ngoài, làm giảm năng lực cạnh tranh của DN Việt Nam.
- (9) DN lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại Đồng Nai: Xem xét về việc các DN vừa và nhỏ mua bán thiết bị máy móc đã qua sử dụng được xuất hóa đơn GTGT.
- (10) DN phân phối hàng gia dụng tại Hà Nội: Cần có những nguyên tắc nhất quán, không mâu thuẫn để hỗ trợ DN, tránh việc làm đúng ở thông tư này nhưng lại sai ở thông tư khác.
- (11) DN lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại TP HCM: Chính sách giảm thuế GTGT quá khó khăn cho hàng hóa xuất nhập khẩu, nên giảm tất cả hoặc không giảm tất cả để dễ dàng trong khai báo và hạch toán.

5.2. Thiếu sự hỗ trợ và hướng dẫn rõ ràng từ cơ quan thuế

Nhiều DN phản ánh về sự thiếu hỗ trợ và hướng dẫn trong quá trình thực hiện các thủ tục thuế, đặc biệt là đối với các DN nhỏ và khởi nghiệp. Việc tiếp cận các chính sách ưu đãi thuế và thông tin chi tiết từ cơ quan quản lý thường không rõ ràng. Nhiều DN phải tự tìm hiểu thông tin qua các kênh không chính thức hoặc phải thuê dịch vụ tư vấn, làm tăng chi phí.

Bên cạnh đó, các DN cũng cho biết thanh tra và kiểm tra thuế thường xuyên chỉ tập trung vào việc bắt lỗi nhỏ, thay vì hỗ trợ DN tuân thủ tốt hơn, dẫn đến tình trạng DN bị động trong quá trình giải quyết các vấn đề liên quan đến thuế.

Hộp 19. Thiếu sự hỗ trợ và hướng dẫn từ cơ quan thuế

- (1) Hộ kinh doanh tại Đắk Lắk: Cách tính thuế và khai thuế điện tử phức tạp. Trong khi cơ quan thuế nói là chuyển đổi số, rồi yêu cầu người dân phải tự làm qua mạng (còn phức tạp hơn trước đây là cơ quan thuế gửi thông báo đi đóng) và không có sự hướng dẫn. Người dân không làm được thì phải đi thuê dịch vụ khai thuế giúp. Rồi cơ quan thuế cập nhật sai thông tin thuế, xong tự nhiên báo là người dân nợ thuế. Trong khi người dân không biết mình có nợ thuế không.
- (2) DN lĩnh vực xây dựng tại Nam Định: Chưa nhận được cảnh báo và thông tin pháp lý liên quan khi DN có vấn đề. Thuế môn bài và thu nhập DN cần có phương án thông báo và thu hợp lý hơn để DN không bị nợ thuế.
- (3) DN lĩnh vực dịch vụ lưu trú và ăn uống, du lịch tại TP HCM: Viết công văn hỏi những ưu đãi thuế cho DN không được hướng dẫn rõ, chỉ đưa chung chung theo điều

khoản pháp luật để DN tự hiểu. Việc đối soát nợ thuế, DN toàn bị động khi có giấy báo nộp phạt.

(4) DN lĩnh vực xây dựng tại Hà Nội: DN chỉ đóng cửa sửa chữa trụ sở cũng bị cơ quan thuế đơn phương đưa vào danh sách DN bỏ trốn. Thủ tục dỡ bỏ phức tạp, khó khăn.

(5) DN FDI tại TP HCM: Cán bộ thuế luôn trễ hạn. DN nhận được thư vào ngày 26/6/2024 với nội dung mời họp vào 9 giờ sáng ngày 26/6/2024 là một ví dụ điển hình.

(6) DN lĩnh vực bán buôn và bán lẻ tại Hà Nội: Các câu trả lời của cơ quan thuế đôi khi chung chung, DN hỏi xong vẫn không biết đường nào áp dụng.

(7) DN lĩnh vực xây dựng tại TP HCM: Thủ tục tra cứu thông tin thuế không thuận tiện, nhiều website thông tin không chính thống.

(8) DN kinh doanh bất động sản tại TP HCM: Thuế đóng không cao so với khu vực nhưng dịch vụ công yếu, thuế đóng không công bằng khiến người đóng thuế có xu hướng tránh thuế.

(9) DN lĩnh vực xây dựng tại Đà Nẵng: Trang web thuế thì chỉ cho tra cứu được 1 tháng, lúc vào được lúc không.

(10) DN lĩnh vực luật tại TP HCM: Hiện các cơ quan thuế thiếu sâu sát và hỗ trợ DN vừa và nhỏ khởi nghiệp, hướng dẫn trả lời các thủ tục rất chung chung. Đặc biệt là lừa đảo về thủ tục thuế, giả danh cơ quan thuế, cán bộ thuế quá nhiều. Không có một kênh chính thống và thường xuyên đề tương tác, liên hệ với cơ quan thuế dù cơ quan nào cũng có hotline (không thực chất, không hiệu quả, thiếu cảnh báo).

(11) DN lĩnh vực kinh doanh bất động sản tại Bình Dương: Việc tính thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất hiện tại rất chậm so với trước năm 2021. DN phải chờ đợi 3-6 tháng mới sang được tên quyền sử dụng đất, 3-6 tháng sau mới hoàn tất thủ tục xây dựng, sửa chữa nhà xưởng. Như thế thì vượt mất cơ hội nhận đơn hàng để đi vào sản xuất.

(12) DN lĩnh vực xây dựng tại Hà Nội: Khi DN bị xác định nợ đọng thuế sẽ khó khăn trong việc giải quyết thủ tục đầu tư mới nhằm cải thiện tình hình kinh doanh của DN với mục đích thoát khỏi khó khăn và từng bước ổn định lại.

(13) DN FDI lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại TP HCM: Đóng thuế đầy đủ đúng hạn nhưng lâu lâu lại bị phát thông báo nợ thuế, phải mất thời gian đi đối chiếu sổ sách cả mấy năm trời mỗi lần bị phát thông báo. Có khi chỉ vì hệ thống thuế thay đổi, lấy số liệu không đúng nhưng thông báo nợ thuế, phạt chậm nộp thì cứ tự động phát ra, ảnh hưởng đến hoạt động của DN. Nhiều lần đóng tiền theo thông báo nợ thuế luôn để không mất thời gian tra cứu dò tìm 9, 10 năm trước. Mua hàng hóa, dịch vụ của những DN sau này bỏ trốn dù trước đây khi sử dụng dịch vụ hàng hóa của họ thì họ vẫn hoạt động kinh doanh bình thường. Mất thời gian giải trình với thuế, luôn bị cơ quan thuế đe dọa bắt loại trừ chi phí có liên quan những DN này, phải sửa đổi tờ khai thuế và chịu nộp phạt tương ứng...nếu không sẽ chuyển hồ sơ cho hình sự dù chẳng phải lỗi của DN.

(14) DN lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tại TP HCM: DN là đầu ngành nên phải chịu đựng quá nhiều kiểm tra và có tác dụng hỗ trợ DN.

(15) DN lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại Hà Tĩnh: Trong định nghĩa còn thiếu minh bạch, toàn dựa vào ý thức chủ quan của cán bộ thuế, nếu tiền vào sẽ xử nặng nhẹ khác nhau.

5.3. *Rủi ro về hoàn thuế và kiểm tra hóa đơn*

Thủ tục hoàn thuế GTGT vẫn là một vấn đề nan giải đối với DN, đặc biệt là các DN xuất nhập khẩu. Nhiều DN cho biết họ phải đợi nhiều tháng mới được hoàn thuế, ảnh hưởng đến khả năng tái đầu tư và duy trì hoạt động kinh doanh.

Một số DN cũng gặp rủi ro khi cơ quan thuế yêu cầu truy thu hoặc loại bỏ hóa đơn GTGT nếu đối tác phát hành hóa đơn bị giải thể hoặc ngừng hoạt động. DN cho biết điều này khiến họ mất đi các khoản thuế đã chi trả hợp pháp, trong khi đây là trách nhiệm quản lý của cơ quan thuế đối với các đơn vị phát hành hóa đơn.

Trước tình hình xuất hiện hiện tượng một số tổ chức, cá nhân gian lận trong việc phát hành, sử dụng hóa đơn điện tử (HĐĐT) nhằm chiếm đoạt tiền thuế, tháng 4 năm 2023, Tổng cục Thuế đã triển khai Trung tâm cơ sở dữ liệu HĐĐT với chức năng phân tích dữ liệu HĐĐT, phục vụ cho công tác quản lý rủi ro về HĐĐT trong toàn ngành Thuế. Tuy nhiên, việc quản lý hóa đơn và hoàn thuế tại Việt Nam đến nay vẫn chưa thực sự hiệu quả, làm gia tăng chi phí và rủi ro cho các DN hoạt động chân chính.

Hộp 20. Những bất cập trong chính sách thuế GTGT và rủi ro từ việc hóa đơn bị loại bỏ

- (1) DN lĩnh vực gia công may mặc tại TP HCM: Hoàn thuế và quyết toán thuế quá rắc rối. Ví dụ cơ quan thuế yêu cầu những chứng từ như báo cáo quyết toán bên hải quan phải có dấu xác nhận của hải quan nhưng bên hải quan đã làm điện tử nên làm gì có.
- (2) DN lĩnh vực xây dựng tại Bắc Giang: Rủi ro trong việc hoàn thuế cao khi các DN hoạt động không đúng pháp luật làm cho DN làm đúng bị ảnh hưởng.
- (3) DN tại Đồng Nai: Việc yêu cầu cung cấp hồ sơ nguồn gốc trong lĩnh vực sản xuất gỗ, lâm sản làm tăng chi phí và rủi ro cho DN.
- (4) DN FDI lĩnh vực vận tải, kho bãi tại Hưng Yên: Việc giảm thuế GTGT 2% không đồng nhất dẫn đến việc hoàn thuế khó khăn, có thể bị phạt vi phạm hành chính.
- (5) DN lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tại TP HCM: Giảm hoàn thuế GTGT của DN từ trước Covid-19 đến nay. Mỗi lô mất 5% tiền vốn bị giảm GTGT. Đa số các công ty xuất khẩu cao su đều bị ở TP HCM và các địa phương. Trong khi các DN có vốn từ Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật lại được hoàn dễ dàng.
- (6) DN lĩnh vực bán buôn và bán lẻ tại Hà Nội: Cơ quan thuế yêu cầu giải trình các số liệu từ 5-6 năm trước gây mất nhiều thời gian của DN.
- (7) DN lĩnh vực dệt may tại TP HCM: DN nộp hồ sơ hoàn thuế GTGT 2 năm chưa được phải mất chi phí môi giới lên đến 3-5%.
- (8) DN lĩnh vực công nghệ thông tin tại Hà Nội: Hiện đã áp dụng hóa đơn điện tử, tuy nhiên các số liệu phát sinh từ thuế như nợ thuế chưa chính xác; hóa đơn điện tử đối mặt với rủi ro bị phạt cao nếu không phát hành ngay trong ngày.
- (9) DN lĩnh vực công nghệ thông tin tại Hà Nội: DN sử dụng hóa đơn công tác phí, ăn uống tại những nhà hàng, khách sạn, đơn vị khác... chẳng may bị nằm trong danh sách đen của cơ quan thuế thì bỗng dưng bị nộp phạt do sử dụng hóa đơn “rủi ro”.
- (10) DN lĩnh vực xây dựng tại Hà Nội: Nhà nước chậm hoàn thuế cho DN nhiều năm không sao, nhưng DN nợ một ngày là bị phạt.

(11) DN FDI lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tại Bình Dương: Thủ tục hoàn thuế ngày càng khó khăn. Hóa đơn được xuất từ các DN điều chỉnh địa chỉ, tạm dừng hoạt động hoặc dừng hoạt động bị cơ quan thuế nghi ngờ và yêu cầu loại. Làm DN thất thoát các khoản thuế GTGT đã chi trả. Trong khi việc quản lý các DN làm ăn không đúng là của các cơ quan quản lý nhà nước, nhưng lại bắt DN phải chịu trách nhiệm liên đới.

(12) DN lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại Hà Nội: Các quy định không được áp dụng công bằng. Ví dụ cơ quan thuế không quản lý được hộ kinh doanh cá thể, cửa hàng... trong việc phát hành hóa đơn GTGT nhưng lại buộc DN phải tập hợp đủ hóa đơn GTGT đầu vào. DN bị phạt rất nặng với lỗi nhỏ nhưng khi bị chậm hoàn thuế GTGT, khấu trừ thuế thu nhập cá nhân thì lại không được đền bù.

6. Trong thực hiện nhóm TTHC liên quan đến giải thể, tạm dừng hoạt động

6.1. Quy trình thủ tục giải thể còn phức tạp

Quy trình thủ tục liên quan đến giải thể hoặc tạm ngừng kinh doanh hiện đang là một trong những rào cản lớn nhất đối với các DN, đặc biệt là những DNNVV. DN cho biết quy trình thủ tục liên quan đến giải thể hoặc tạm ngừng kinh doanh kéo dài và phức tạp hơn so với thủ tục thành lập DN. Sự phức tạp này xuất phát từ việc các cơ quan quản lý chưa đồng bộ và không thống nhất về quy trình xử lý.

Một ví dụ điển hình là việc một số chi cục thuế yêu cầu DN phải khôi phục hoạt động để đóng mã số thuế, mặc dù Tổng cục Thuế không yêu cầu điều này. Điều này dẫn đến tình trạng DN phải mất thêm thời gian và chi phí để thực hiện các báo cáo thuế và các thủ tục khác, ngay cả khi DN không còn hoạt động. Phản ánh từ DN CNTT tại Hà Nội cho thấy, họ phải chi trả lên đến 11 triệu đồng cho mỗi báo cáo thuế chậm, trong khi số tiền thuế thực tế nợ chỉ là 2 triệu đồng (**Hộp 21.**).

Những quy trình phức tạp, không nhất quán và thiếu sự linh hoạt không chỉ làm tăng chi phí giải thể mà còn khiến nhiều DN lâm vào tình trạng khó khăn về tài chính, làm kéo dài thời gian xử lý thủ tục và giảm động lực để hoàn tất việc giải thể. Điều này tạo ra một vòng luẩn quẩn, khi DN phải kéo dài thời gian hoạt động chỉ trên giấy tờ để tránh chi phí giải thể, trong khi thực tế không còn khả năng hoạt động hiệu quả.

Hộp 21. Quy trình thủ tục phức tạp gây cản trở DN giải thể

(1) DN lĩnh vực CNTT ở Hà Nội: Đã giải thể thì bắt buộc phải khôi phục hoạt động thì mới được đóng thuế còn nợ, mà để khôi phục hoạt động thì thủ tục rất phức tạp, phải nộp đủ loại báo cáo trong nhiều năm qua dù DN đã dừng hoạt động. Mà cơ quan thuế (cụ thể là Chi cục Thuế Nam Từ Liêm phạt 11 triệu đồng/1 báo cáo). Như vậy để giải thể được DN dù chỉ nợ 2 triệu đồng tiền thuế môn bài thì sẽ phải thuê kế toán làm báo cáo, và nộp phạt khoản tiền gấp nhiều lần số thuế nợ kia.

(2) DN lĩnh vực năng lượng tái tạo tại TP HCM: Việc quyết toán thuế hoặc công ty bị khóa mã số thuế (MST) muốn mở lại phải giải trình toàn bộ các hóa đơn đầu ra và đầu vào từ những năm trước đó. Khi DN xuất hóa đơn đầu vào đã không còn hoạt động (do ảnh hưởng của dịch Covid-19) thì mặc nhiên các hóa đơn đó cũng phải loại ra làm báo cáo tài chính lại, đóng bổ sung thuế GTGT và thu nhập DN thì mới được xem là quyết toán thuế và đủ điều kiện mở lại MST cho công ty hoạt động.

- (3) DN lĩnh vực thương mại, dịch vụ tại TP HCM: Công ty vừa xin cấp phép, nhưng vì lý do không đủ khả năng kinh doanh nên phải tạm ngừng hoạt động, mà cán bộ thuế bắt cung cấp một núi giấy tờ. Trong khi từ ngày xin được giấy phép đã đăng ký tạm ngừng cho đến khi giải thể, thời gian khớp hết, không lọt 1 ngày hoạt động. Hệ thống thuế có thể kiểm tra được, nhưng vẫn bắt làm xác minh. Gần 1 năm nay tôi vẫn chưa xong thủ tục giải thể cho một công ty không hoạt động ngày nào.
- (4) DN lĩnh vực xây dựng tại Hà Nội: Thủ tục thành lập DN dễ dàng hơn, nhưng giải thể thì cực kỳ khó khăn.
- (5) DN lĩnh vực công nghệ thông tin tại Hà Nội: Chưa rõ cơ chế dừng ngay các phát sinh về thuế, bảo hiểm khi DN mới có quyết định giải thể, tạm ngừng hoạt động. Có thể có cơ chế gửi văn bản thông báo và sau đấy DN mới thực hiện thủ tục giải thể, tạm ngừng hoạt động.
- (6) DN lĩnh vực xây dựng tại TP HCM: Thủ tục giải thể cực kỳ khó khăn đối với những DN hoạt động không hiệu quả.

6.2. Thiếu sự hỗ trợ và hướng dẫn từ cơ quan quản lý

Một trong những khó khăn lớn khác là thiếu sự hỗ trợ và hướng dẫn rõ ràng từ các cơ quan quản lý trong suốt quá trình giải thể. Nhiều DN phản ánh rằng họ không nhận được hướng dẫn cụ thể về các thủ tục cần thiết và phải tự mày mò trong quá trình nộp hồ sơ.

Do sự thiếu hướng dẫn từ cơ quan thuế, DN thường xuyên bị trả lại hồ sơ với lý do thiếu giấy tờ hoặc sai quy trình, làm tăng thêm thời gian giải quyết. Điều này khiến nhiều DN quyết định “bỏ cuộc”, để công ty tồn tại trên giấy tờ mà không thực hiện đầy đủ các thủ tục giải thể.

Hộp 22. Thiếu “sự đồng cảm” từ cơ quan quản lý

- (1) Hộ kinh doanh tại TP HCM: Đóng tiền theo số chỉ định của nhân viên thuế chờ giải thể, đóng xong nhân viên bảo đóng dư phải làm đơn đợi 45 ngày nhận lại tiền.
- (2) Hộ kinh doanh tại Hà Nội: Khi làm thủ tục đóng mã số thuế (MST) hoặc tạm dừng, Chi cục Thuế có hướng dẫn không giống với Tổng cục Thuế. Chi cục Thuế yêu cầu DN đang tạm dừng hoạt động muốn làm đóng MST phải cho hoạt động trở lại rồi mới làm đóng MST (dù điều này làm DN có thể phải nộp thuế môn bài khi hoạt động trở lại). DN hỏi lên Tổng cục Thuế thì nhận được giải đáp là không cần yêu cầu DN phải làm thủ tục hoạt động trở lại. Sau phản ánh thì Chi cục Thuế lại hướng dẫn không cần đề nghị hoạt động trở lại, nhưng đổ lỗi cho DN trong khi Chi cục chậm giải quyết hồ sơ đã được nộp trên hệ thống trực tuyến). Ngoài ra, DN đã tạm dừng hoạt động 2 năm (đã nộp đầy đủ các loại thuế trước khi tạm dừng) nhưng Chi cục Thuế vẫn báo phát sinh thuế phải nộp.
- (3) Hộ gia đình tại Long An: Tôi giải thể công ty, đến trụ sở hành chính công hỏi chỗ này chỉ qua chỗ kia, đến nỗi xin hỏi bắt đầu từ hồ sơ gì cũng không có câu trả lời, xin mẫu điền thì cũng nói không có. Vậy thôi tôi quyết toán đủ thuế, hủy hóa đơn chưa sử dụng và từ đó để công ty tồn tại hoài luôn mặc dù đã không hoạt động nhiều năm.
- (4) DN lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tại Quảng Ninh: Muốn giải thể công ty cần phải kiểm tra rồi lại phải lót tiền, mỗi lần là phải 20 triệu mới cho giải thể. Tôi cũng đang muốn giải thể công ty lắm mà nghĩ đến số tiền phải chi mới cho giải thể mà tiếc, nên bây giờ cứ phải báo cáo thuế bằng 0.

(5) DN lĩnh vực dệt may tại TP HCM: Giải thể mà vẫn tồn chi phí thuế và thủ tục hành chính kéo dài nên DN không mặn mà làm thủ tục giải thể, trong khi DN giải thể gần như rất khó khăn. Nên tạo điều kiện để DN giải thể nhanh gọn thì số liệu Nhà nước mới đúng đủ.

C. NHẬN ĐỊNH VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận định một số vấn đề chính qua khảo sát

Trong thực hiện TTHC của DN, khó khăn, vướng mắc cùng gánh nặng chi phí tuân thủ dường như bị gia tăng trong bối cảnh DN hiện chịu nhiều áp lực. Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, đặc biệt sau đại dịch Covid-19, dòng tiền eo hẹp, thị trường lại có nhiều diễn biến mới với các yêu cầu kỹ thuật cao hơn khiến tình trạng vướng mắc về TTHC dường như trở nên nghiêm trọng hơn. Các DN trong khảo sát nhấn mạnh rằng quy trình dài dòng, không rõ ràng, và chi phí phát sinh từ việc thực hiện thủ tục thuế, xây dựng, và giải thể đã khiến họ gặp nhiều trở ngại hơn trong việc duy trì và tái cấu trúc hoạt động. Đặc biệt, thời gian trung bình để hoàn tất thủ tục cấp phép xây dựng tại Việt Nam đang cao hơn đáng kể so với giai đoạn trước, gây ảnh hưởng đến cơ hội kinh doanh của các DN.

Vì lý do đó, *nỗ lực và quyết tâm cải cách của Chính phủ tuy rất đáng kể nhưng dường như vẫn chưa đáp ứng đầy đủ kỳ vọng của DN.* Mặc dù Chính phủ đã thực hiện nhiều biện pháp cải cách TTHC nhằm tạo thuận lợi hơn cho DN, các phản hồi từ khảo sát cho thấy vẫn tồn tại nhiều rào cản. Theo kết quả khảo sát từ gần 900 DN, có đến 45% phản ánh rằng TTHC trong các lĩnh vực quan trọng như thuế, lao động, bảo hiểm xã hội, và đất đai vẫn phức tạp và mất nhiều thời gian để hoàn thành. Đặc biệt, nhóm thủ tục liên quan đến thuế được chọn là nhóm cần cải cách nhất, với 55.6% DN đề xuất ưu tiên, đồng thời nhóm thuế vẫn chiếm phần lớn các phản ánh về sự bất cập.

Trước thực trạng này, *DN rất cần sự hỗ trợ và đồng hành từ cơ quan quản lý nhà nước để tiếp tục phục hồi trong giai đoạn khó khăn.* Khảo sát đã chỉ ra rằng trong bối cảnh khó khăn, DN cần sự hỗ trợ, đồng hành thậm chí là đồng cảm từ các cơ quan quản lý nhà nước. Hơn 30% số phản ánh về khó khăn, vướng mắc của DN trong thực hiện TTHC có nhắc đến sự hỗ trợ chưa thực sự đầy đủ và kịp thời. Việc thiếu các kênh hỗ trợ, hướng dẫn cụ thể từ cơ quan quản lý đã khiến DN mất nhiều thời gian và chi phí để hoàn tất thủ tục và sụt giảm niềm tin. Trong bối cảnh này, các cơ quan cần cung cấp những giải pháp thiết thực hơn như tư vấn miễn phí cho DNNVV, cải tiến hệ thống dịch vụ công trực tuyến để xử lý nhanh hơn, giúp DN có thể thực hiện nghĩa vụ thuế và bảo hiểm hay các TTHC khác một cách thuận tiện.

Sự không đồng bộ và nhất quán giữa các cơ quan, trong cả ban hành văn bản hướng dẫn và thực thi là vấn đề cần cải cách lớn nhất. Một trong những phản ánh nhiều nhất từ DN là tình trạng không đồng bộ trong quy trình TTHC giữa các cơ quan và địa phương. Điều này tạo ra sự thiếu nhất quán trong việc thực thi các quy định pháp luật, khiến DN phải đối mặt với các quy trình chồng chéo, phức tạp. Các DN trong lĩnh vực bất động sản và xây dựng gặp nhiều khó khăn khi phải xử lý cùng một thủ tục với nhiều cơ quan quản lý khác nhau mà không có sự liên thông dữ liệu, kéo dài thời gian và tăng chi phí. Điều này chỉ ra rằng *việc cải cách cần phải theo hướng quản trị hiện đại, dựa trên dữ liệu, đảm bảo tính xuyên suốt về nguyên tắc cải cách cho tới quy trình ban hành văn bản hướng dẫn cũng như thực thi* để thống nhất và rõ ràng hơn.

2. Kiến nghị

Phát biểu tại phiên khai mạc Kỳ họp thứ Tám Quốc hội khóa XV, Tổng Bí thư Tô Lâm lưu ý thể chế đang là “điểm nghẽn của điểm nghẽn”, do đó cần chuyển đổi tư duy xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý Nhà nước, vừa khuyến khích năng lực sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển.

Trên tinh thần tháo gỡ điểm nghẽn thể chế để thúc đẩy phát triển, ngoài nỗ lực liên tục của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ suốt các năm qua, rất cần quá trình triển khai, thúc đẩy đồng bộ các giải pháp cải cách của các bộ, ngành, địa phương nhằm đơn giản hóa TTHC, nâng cao tính minh bạch và hỗ trợ DN hiệu quả.

Một số kiến nghị cụ thể:

2.1. Đẩy mạnh số hóa và liên thông dữ liệu giữa các cơ quan quản lý

Chủ trương này đã liên tục được thúc đẩy thời gian qua gắn với tư duy phát triển nền hành chính hiện đại, quản trị dựa trên dữ liệu nhưng rất cần tiếp tục ưu tiên giai đoạn tới đồng thời minh bạch lộ trình xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu liên thông giữa các cơ quan quản lý để DN và người dân hiểu, ủng hộ. Các cơ quan quản lý về thuế, bảo hiểm xã hội, đăng ký kinh doanh, đầu tư... cần phối hợp và chia sẻ dữ liệu trực tuyến thông qua một hệ thống quản lý dữ liệu chung của quốc gia. Điều này giúp DN chỉ cần nộp một bộ hồ sơ duy nhất, được chia sẻ cho các cơ quan liên quan, giảm bớt tình trạng phải làm thủ tục tại nhiều nơi với cùng một nội dung. Chính phủ có thể tiếp tục tham khảo các mô hình số hóa thủ tục thành công tại các quốc gia cùng khu vực như Singapore và Hàn Quốc... để xây dựng hệ thống này.

Phát triển công dịch vụ công toàn diện: Công dịch vụ công hiện tại cần được cải tiến để DN có thể dễ dàng thực hiện các TTHC trực tuyến từ khâu đăng ký, nộp/điều chỉnh hồ sơ, thanh toán phí đến nhận kết quả. Hệ thống này cần tích hợp chức năng giám sát và theo dõi tiến độ xử lý, đảm bảo tính minh bạch trong quy trình xử lý hồ sơ. Việc có thể theo dõi trực tuyến các khâu/quy trình xử lý sẽ giúp DN giảm bớt tình trạng chờ đợi không cần thiết hoặc tình trạng bị trả lại hồ sơ không rõ lý do.

2.2. Nâng cao vai trò hỗ trợ của cơ quan quản lý và cán bộ thực thi

Thiết lập các trung tâm tư vấn hành chính cho DN: Các trung tâm tư vấn này có thể do các đơn vị sự nghiệp hoặc đơn vị tư nhân đảm trách, cung cấp dịch vụ hỗ trợ DN, đặc biệt là DNNVV, về các vấn đề liên quan đến TTHC. DN có thể liên hệ với trung tâm này qua điện thoại, email hoặc trực tiếp để nhận được hướng dẫn chi tiết và kịp thời, tránh việc tự thực hiện dẫn đến sai sót. Dịch vụ công cần được coi như là một “dịch vụ” thực sự, lấy người dân, DN là trung tâm phục vụ.

Đào tạo cán bộ thực thi để nâng cao nhận thức và kỹ năng hỗ trợ DN: Cán bộ tại các cơ quan hành chính cần được đào tạo thường xuyên về các quy định mới, cách tiếp cận thân thiện hơn với DN. Đồng thời, cần có cơ chế đánh giá hiệu quả làm việc của cán bộ, dựa trên phản hồi từ người dân và DN, để đảm bảo rằng việc hỗ trợ và hướng dẫn

DN là chính xác và kịp thời. Công nghệ trí tuệ nhân tạo có thể hỗ trợ hiệu quả quá trình này bởi khả năng tự học, tích hợp thông tin không giới hạn, phục vụ 24/7,... cần nghiên cứu để áp dụng.

2.3. Ban hành các quy định pháp lý dựa trên nguyên tắc và mục tiêu chung

Các quy định và hướng dẫn pháp lý cần được xây dựng trên cơ sở nguyên tắc rõ ràng, đồng thời phải thống nhất giữa các ngành và địa phương và có cơ chế giám sát song song. Điều này đảm bảo rằng DN không phải đối mặt với các quy định khác nhau hoặc cách hiểu, cách thực thi khác nhau khi làm việc về cùng một nội dung với các cơ quan nhà nước khác nhau.

2.4. Rút ngắn thời gian và đơn giản hóa thủ tục cấp phép đầu tư - xây dựng

Các thủ tục cấp phép đầu tư - xây dựng hiện đang là một trong những lĩnh vực mà DN phản ánh nhiều nhất về sự phức tạp và kéo dài thời gian. Chính phủ cần chỉ đạo các rà soát chuyên đề để tiếp tục cắt giảm các bước không cần thiết trong quy trình cấp phép đầu tư - xây dựng, đồng thời triển khai hệ thống nộp và phê duyệt hồ sơ trực tuyến để giảm thời gian xử lý. Các tiêu chuẩn xây dựng cũng cần được làm rõ và thống nhất để DN không bị chông chéo giữa các yêu cầu khác nhau.

2.5. Cải tiến các hệ thống khai báo và thanh toán thuế trực tuyến, khai báo hải quan

Hiện tại, hệ thống khai thuế điện tử tại Việt Nam còn hạn chế về mặt kỹ thuật, khiến DN gặp khó khăn khi thao tác. Chính phủ và các bộ, ngành cần đầu tư mạnh mẽ hơn vào hạ tầng CNTT, nâng cấp hệ thống khai thuế và thanh toán thuế trực tuyến, giúp DN có thể thực hiện các nghĩa vụ tài chính một cách nhanh chóng và thuận tiện, đặc biệt là với DNNVV. Tương tự, sau gần 10 năm đưa vào hoạt động, hệ thống VNACCS/VCIS của Hải quan Việt Nam đang quá tải, không còn đáp ứng thực tiễn hoạt động thông quan, xuất nhập khẩu hàng hóa phát triển như hiện nay. Do đó, cần sớm xây dựng và triển khai hệ thống CNTT mới trên cơ sở ứng dụng những thành tựu mới về công nghệ phù hợp với chuẩn mực quốc tế, đáp ứng yêu cầu quản trị thông minh; hướng tới quản lý doanh nghiệp, hàng hóa XNK, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh toàn diện từ khâu đầu đến khâu cuối.

2.6. Đảm bảo tính “liên tục” trong bối cảnh cải cách mạnh mẽ, sâu rộng bộ máy hành chính nhà nước

Cuối cùng, bên cạnh các biện pháp kỹ thuật nêu trên, trong bối cảnh Đảng và Chính phủ đang đẩy mạnh công cuộc cải cách, tập trung trước hết vào cải cách bộ máy, là chủ trương mà cộng đồng DN đặc biệt ủng hộ bởi tiếp cận “tận gốc” vấn đề, thì việc đảm bảo duy trì vận hành “không gián đoạn” các quy trình, TTHC cho người dân, DN cũng là điều rất cần được tính tới để các Bộ, ngành, chính quyền tỉnh... bên cạnh việc xây phương án cải cách về bộ máy, con người còn cần phải xây dựng phương án tổ chức thực thi công việc cho dân, cho DN một cách liên tục.

Nỗ lực cải cách, theo đó, sẽ luôn nhận được sự ủng hộ và đồng cảm từ phía người dân, DN, để quốc gia trở nên phát triển hơn, nền kinh tế vững mạnh hơn và từng người dân, DN cải thiện tốt hơn các mục tiêu của tổ chức, cá nhân./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023). Báo cáo kết quả cải thiện môi trường kinh doanh. Hà Nội: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023). Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2023. Hà Nội: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
3. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2023). Báo cáo tình hình lao động và bảo hiểm xã hội. Hà Nội: Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.
4. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2022). Báo cáo về tình hình quản lý và sử dụng đất đai tại Việt Nam. Hà Nội: Bộ Tài nguyên và Môi trường.
5. Bộ Thông tin và Truyền thông (2023). Báo cáo về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước. Hà Nội: Bộ Thông tin và Truyền thông.
6. Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB). (2020). Vietnam's taxation and financial management: A review. Manila: ADB.
7. Ngân hàng Thế giới (WB) (2020). Doing business report 2020: Comparing business regulation in 190 economies. Washington, DC: World Bank.
8. Ngân hàng Thế giới (WB) (2024). Business ready 2024. Washington, DC: World Bank.
9. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) (2022). Báo cáo thường niên về doanh nghiệp Việt Nam 2022. Hà Nội: VCCI.
10. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) (2021). Improving business environment in Vietnam: A focus on tax, logistics, and environmental policies. Organisation for Economic Co-operation and Development.
11. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) (2021). SME and entrepreneurship policy in Viet Nam. OECD studies on SMEs and entrepreneurship. Paris: OECD.
12. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) (2023). Báo cáo kinh tế của OECD: Việt Nam 2023. Paris: OECD.
13. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) (2022). Xu hướng lao động và xã hội Việt Nam 2021, triển vọng 2030. Geneva: ILO.

PHỤ LỤC

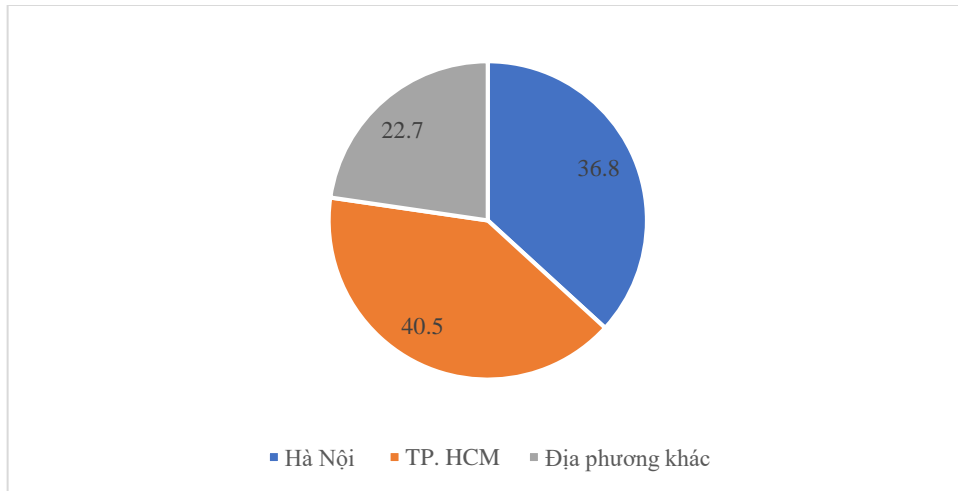
THÔNG TIN DN THAM GIA KHẢO SÁT

- Tổng số DN tham gia: 891 đại diện lãnh đạo DN (sau khi làm sạch dữ liệu), trong đó:

+ Cơ cấu DN theo địa phương:

Biểu đồ 14. Cơ cấu DN tham gia khảo sát theo địa phương

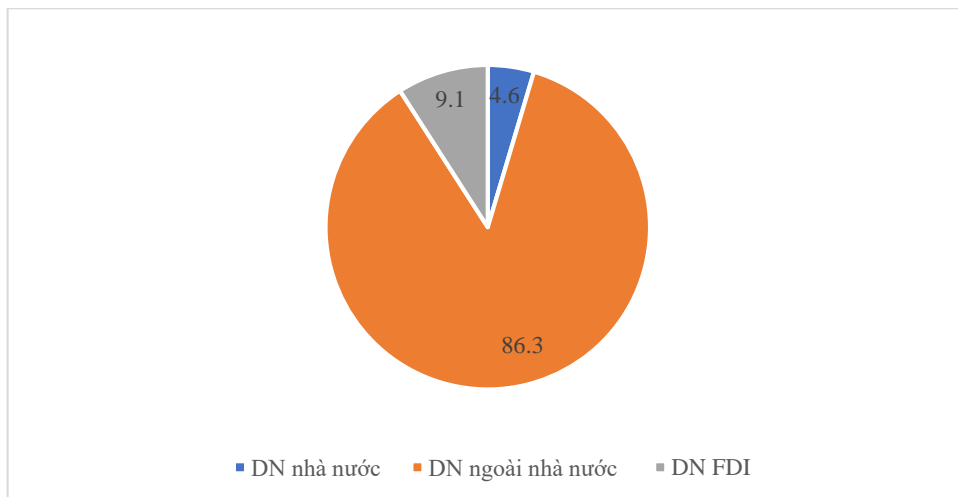
(Đơn vị: %)



+ Cơ cấu theo loại hình DN:

Biểu đồ 15. Cơ cấu DN tham gia khảo sát theo loại hình DN

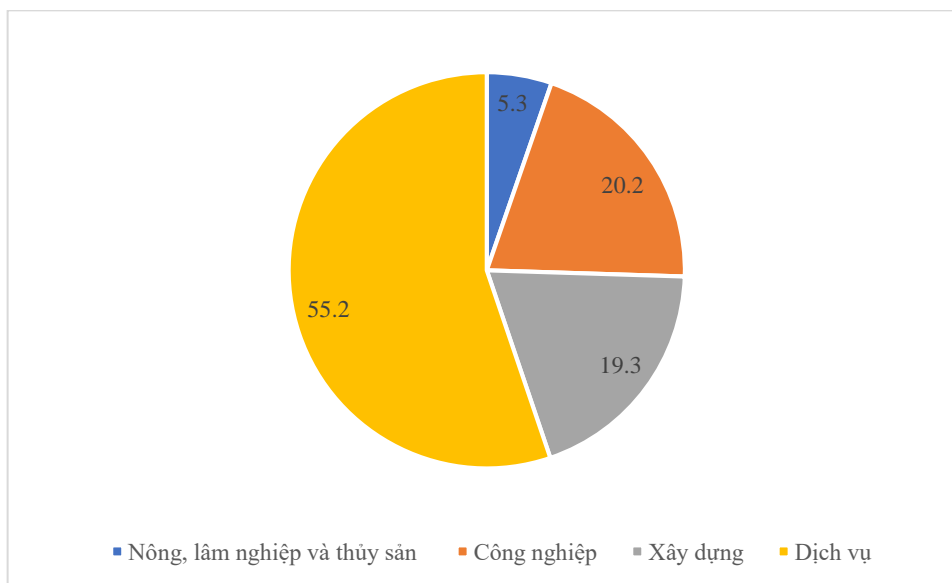
(Đơn vị: %)



+ Cơ cấu theo ngành, nghề sản xuất, kinh doanh:

Biểu đồ 16. Cơ cấu DN tham gia khảo sát theo ngành sản xuất, kinh doanh

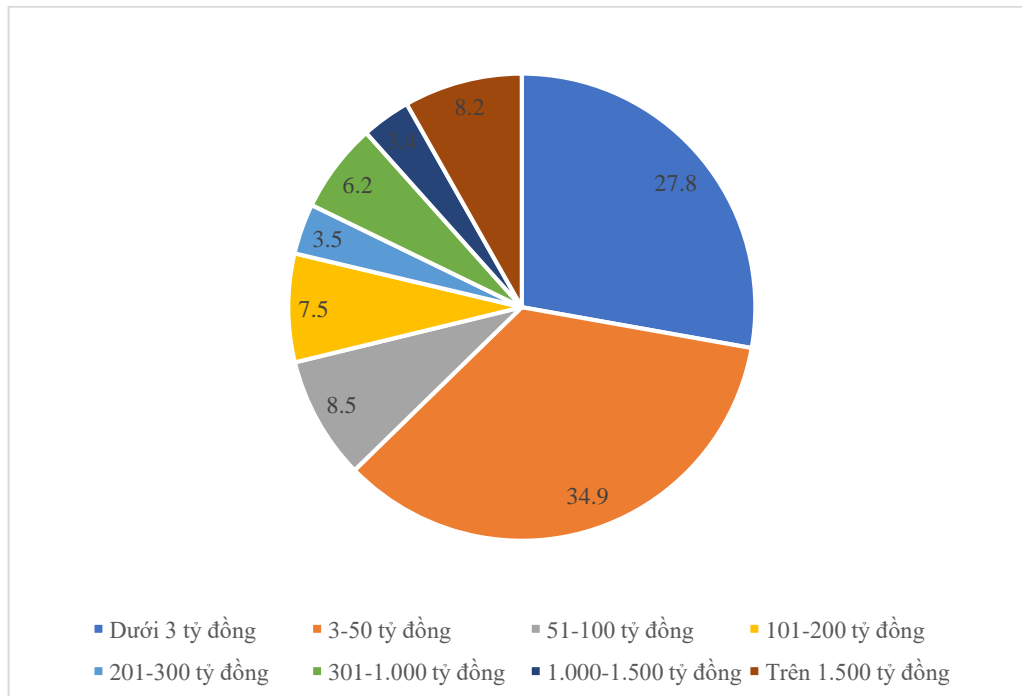
(Đơn vị: %)



+ Cơ cấu DN theo quy mô doanh thu năm 2023

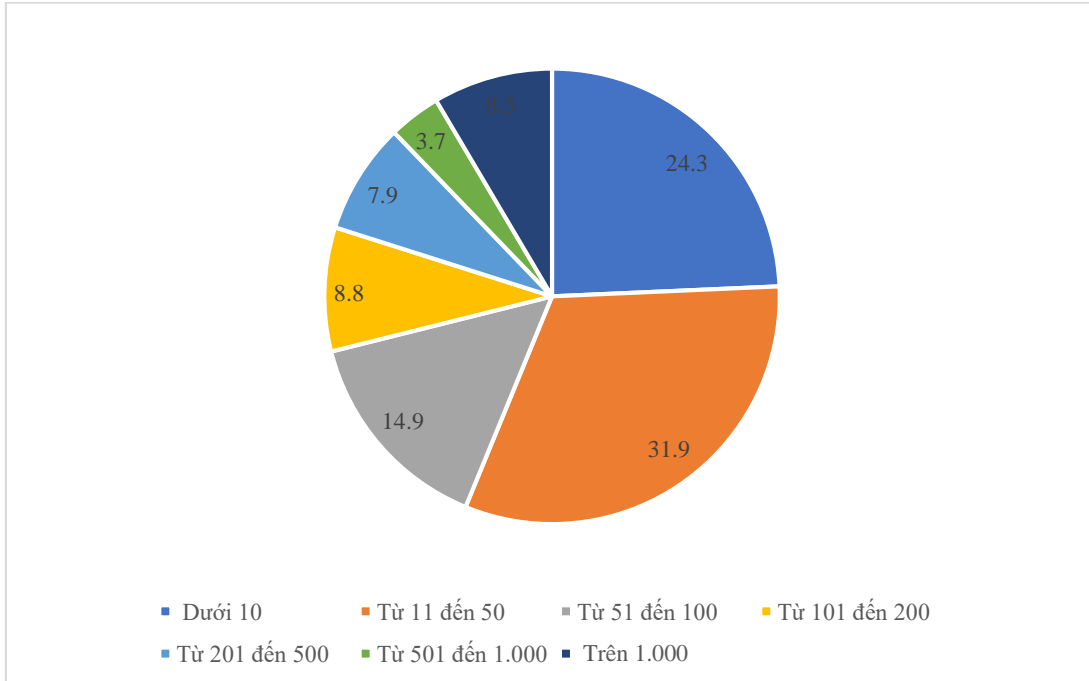
Biểu đồ 17. Cơ cấu DN tham gia khảo sát theo quy mô doanh thu năm 2023

(Đơn vị: %)



+ Cơ cấu DN theo quy mô lao động ở thời điểm khảo sát

Biểu đồ 18. Cơ cấu DN tham gia khảo sát theo quy mô lao động ở thời điểm khảo sát



Các DN tham gia khảo sát có tính đa dạng về quy mô, loại hình, lĩnh vực, vì thế, các kết quả, thông tin tổng hợp được thể hiện trong báo cáo sẽ có tính đại diện khá cao cho tiếng nói của DN trong thực tiễn./.

